ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 165 + 166)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ
VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 2: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 01 đến mốc số 60/8 thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/1(2) cắm trên bờ suối Pôr phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 54/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 54/1(2) và cột mốc số 54/1(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr là 19,51m.	1359672,39 765861,21	12 17 18,899 107 26 39,132	865,96 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			864,76
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54(3) đến cột mốc số 54/1(2) là 177°52'46,194", khoảng cách là 463,50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/1(1) đến cột mốc số 54/1(2) là 79°55'45,560", khoảng cách là 39,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/1(2) đến cột mốc số 54/2(1) là 184°13'25,239", khoảng cách là 832,04m.	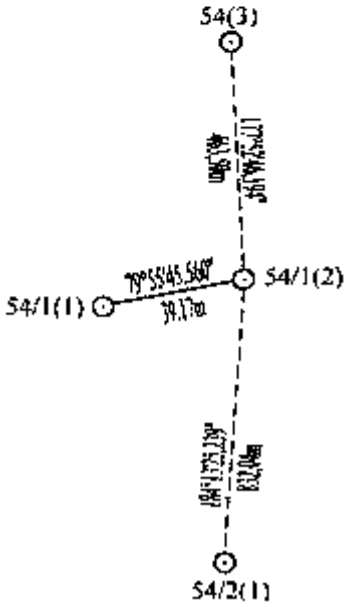		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 02 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/2(1) cắm trên bờ suối Pôr phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 54/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 54/2(1) và cột mốc số 54/2(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr là 14,06m.	1358842,61 765799,93	12 16 51,928 107 26 36,856	867.97 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			866.77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/1(2) đến cột mốc số 54/2(1) là 184°13'25,239", khoảng cách là 832,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/2(1) đến cột mốc số 54/2(2) là 67°10'03,097", khoảng cách là 47,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/2(1) đến cột mốc số 54/3(1) là 208°43'47,078", khoảng cách là 1206,00m.	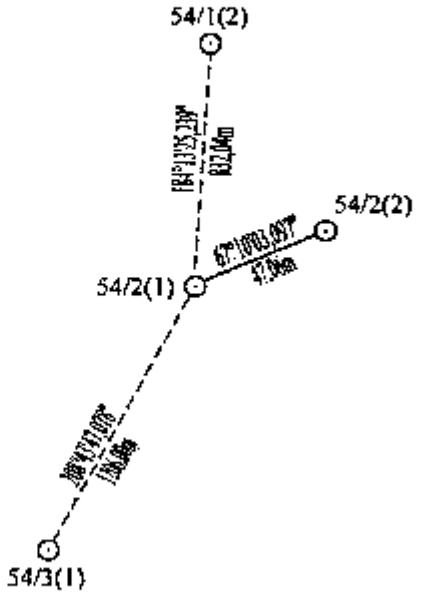		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/2(2) cắm trên bờ suối Pôr phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 54/2(2) đến giao điểm đoạn thẳng nối liền cột mốc số 54/2(2) và cột mốc số 54/2(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr là 33,00m.	1358860,87 765843,30	12 16 52,509 107 26 38,296	880,32 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 879,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/1(2) đến cột mốc số 54/2(2) là 181°15'51,463", khoảng cách là 811,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/2(1) đến cột mốc số 54/2(2) là 67°10'03,097", khoảng cách là 47,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/2(2) đến cột mốc số 54/3(1) là 210°04'41,132", khoảng cách là 1243,21m.	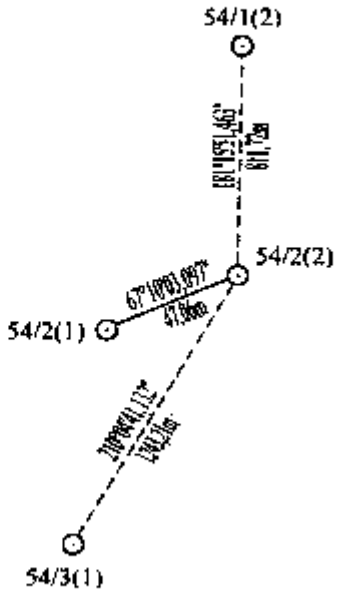		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 02 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/3(1) cắm trên bờ suối Pôr phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 54/3(1) đến giao điểm đoạn thẳng nối liền cột mốc số 54/3(1) và cột mốc số 54/3(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr là 10,47m.	1357785,07 765220,23	12 16 17,701 107 26 17,366	872,36 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 871,16
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/2(2) đến cột mốc số 54/3(1) là 210°04'41,132", khoảng cách là 1243,21m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/3(1) đến cột mốc số 54/3(2) là 121°00'15,294", khoảng cách là 19,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/3(1) đến cột mốc số 54/4(1) là 163°45'47,947", khoảng cách là 1085,35m.	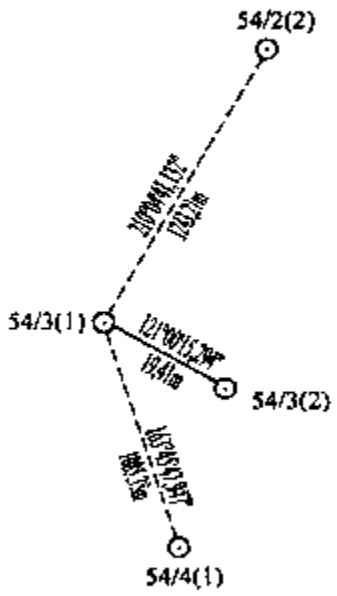		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 10 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/3(2) cắm trên bờ suối Pôr phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 54/3(2) đến giao điểm đoạn thẳng nối liền cột mốc số 54/3(2) và cột mốc số 54/3(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr là 8.94m.	1357775,07 765236,87	12 16 17,371 107 26 17,913	872,66 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 871.46

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/2(2) đến cột mốc số 54/3(2) là 209°11'01,640", khoảng cách là 1243.67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/3(1) đến cột mốc số 54/3(2) là 121°00'15,294", khoảng cách là 19,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/3(2) đến cột mốc số 54/4(1) là 164°28'05,989", khoảng cách là 1071,18m.	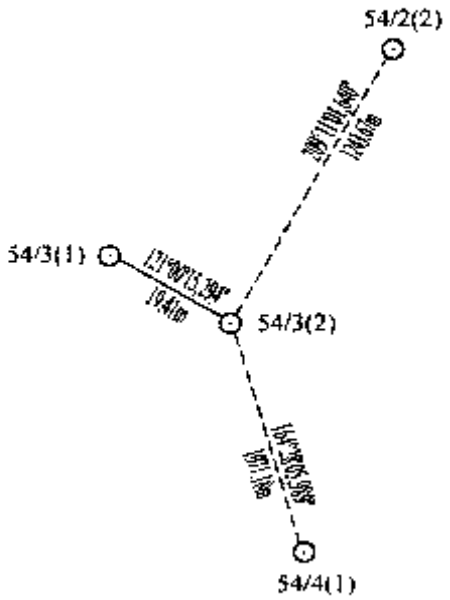

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 4 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/4(1) cắm trên bờ suối Pôr phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 54/4(1) đến giao điểm đoạn thẳng nối liền cột mốc số 54/4(1) và cột mốc số 54/4(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr là 11,68m.	1356743,01 765523,70	12 15 43,718 107 26 27,091	876,37 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 875,17

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/3(2) đến cột mốc số 54/4(1) là 164°28'05,989", khoảng cách là 1071,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/4(1) đến cột mốc số 54/4(2) là 122°11'22,034", khoảng cách là 34,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/4(1) đến cột mốc số 54/5(1) là 212°30'50,282", khoảng cách là 1329,36m.	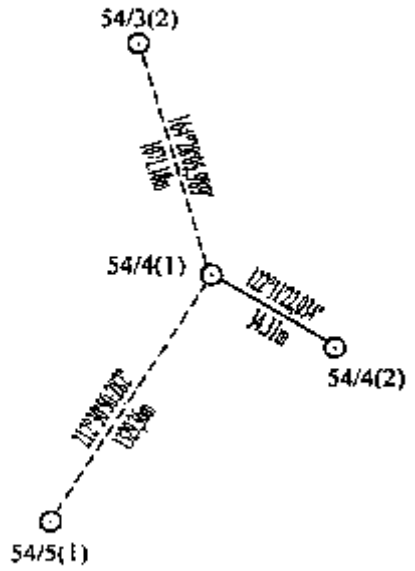

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/4(2) cắm trên bờ suối Pỡr phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 54/4(2) đến giao điểm đoạn thẳng nối liền cột mốc số 54/4(2) và cột mốc số 54/4(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Pỡr là 22,63m.	1356724,73 765552.74	12 15 43,115 107 26 28,046	882,75 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			881,55
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/3(2) đến cột mốc số 54/4(2) là 163°15'44,382", khoảng cách là 1096,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/4(1) đến cột mốc số 54/4(2) là 122°11'22,034", khoảng cách là 34,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/4(2) đến cột mốc số 54/5(1) là 213°59'32,481", khoảng cách là 1330,00m.	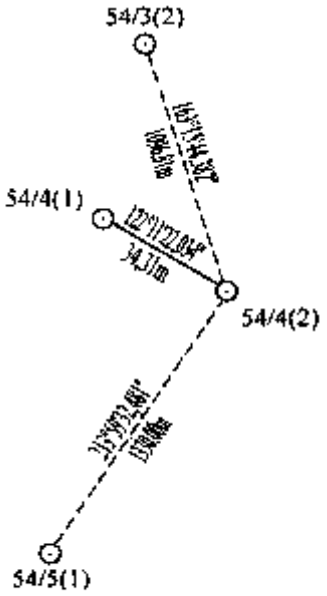		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 9 tháng 12 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/5(1) cắm trên bờ suối Pôr phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 54/5(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối không tên với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 11,13m. Khoảng cách từ cột mốc số 54/5(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 54/5(2) là 10,99m. Khoảng cách từ cột mốc số 54/5(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 54/5(3) là 11,32m.	1355622,01 764809,16	12 15 07,467 107 26 03,125	884,14 (2,20) Độ cao mặt đất (m) 881,94

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/4(2) đến cột mốc số 54/5(1) là 213°59'32,481", khoảng cách là 1330,00m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(1) đến cột mốc số 54/5(2) là 279°08'04,956", khoảng cách là 17,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(1) đến cột mốc số 54/5(3) là 333°02'07,297", khoảng cách là 25,01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(2) đến cột mốc số 54/5(3) là 17°49'56,031", khoảng cách là 20,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(1) đến cột mốc số 54/6 là 174°49'25,448", khoảng cách là 739,64m.	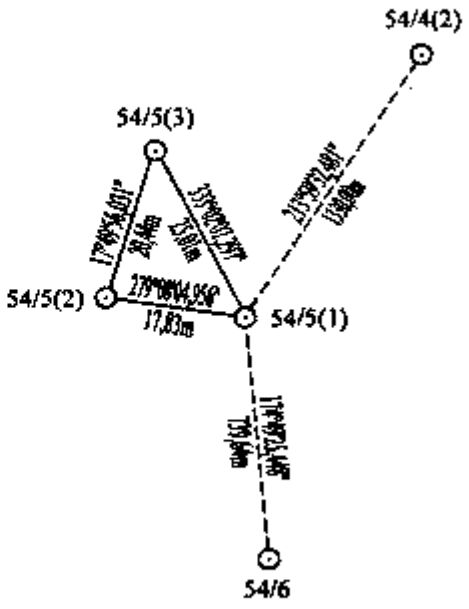

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/5(2) cắm trên bờ suối Pôr và suối không tên phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 54/5(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối không tên với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 11,16m. Khoảng cách từ cột mốc số 54/5(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 54/5(1) là 6,84m.	1355624,84 764791,56	12 15 07,564 107 26 02,544	883,87 (2,00) Độ cao mặt đất (m) 881,87

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/4(2) đến cột mốc số 54/5(2) là 214°41'06,760", khoảng cách là 1337,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(1) đến cột mốc số 54/5(2) là 279°08'04,956", khoảng cách là 17,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(1) đến cột mốc số 54/5(3) là 333°02'07,297", khoảng cách là 25,01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(2) đến cột mốc số 54/5(3) là 17°49'56,031", khoảng cách là 20,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(2) đến cột mốc số 54/6 là 173°29'37,884", khoảng cách là 744,24m.	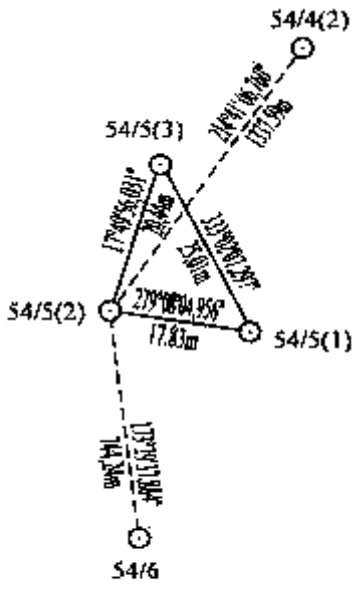

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/5(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/5(3) cắm trên bờ suối Pôr phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 54/5(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối không tên với trung tuyến dòng chảy của suối Pôr chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 14,72m. Khoảng cách từ cột mốc số 54/5(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 54/5(1) là 13,69m.	1355644,30 764797,82	12 15 08,195 107 26 02,757	884,00 (2,00) Độ cao mặt đất (m) 882,00

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/4(2) đến cột mốc số 54/5(3) là 214°56'34,222", khoảng cách là 1318.04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(1) đến cột mốc số 54/5(2) là 279°08'04,956", khoảng cách là 17,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(1) đến cột mốc số 54/5(3) là 333°02'07,297", khoảng cách là 25.01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(2) đến cột mốc số 54/5(3) là 17°49'56.031", khoảng cách là 20.44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(3) đến cột mốc số 54/6 là 174°07'35,664", khoảng cách là 762,92m.	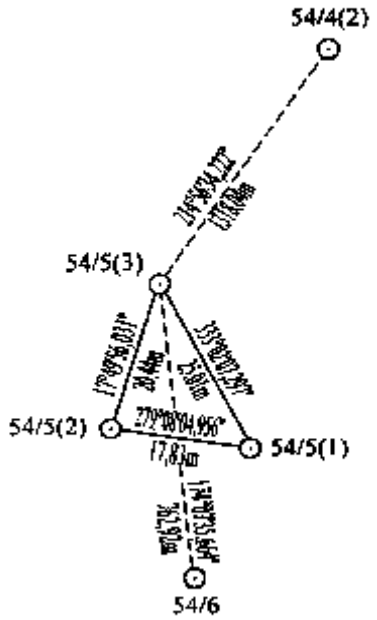

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 54/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 10 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 54/6 cắm tại đầu suối không tên.	1354885,39 764875,89	12 14 43,488 107 26 05,112	905,42 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			904,22
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/5(3) đến cột mốc số 54/6 là 174°07'35,664", khoảng cách là 762,92m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/6 đến cột mốc số 55 là 175°27'34,834", khoảng cách là 110,16m.	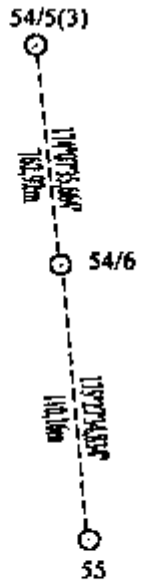		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 11 năm 2007	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55 cắm phía Bắc đường quốc lộ 14C (đường Hồ Chí Minh) của Việt Nam.	1354775,58 764884,61	12 14 39,913 107 26 05,367	931,02 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			929,52
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 54/6 đến cột mốc số 55 là 175°27'34,834", khoảng cách là 110,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55 đến cột mốc số 55/1 là 266°54'50,892", khoảng cách là 71,70m.	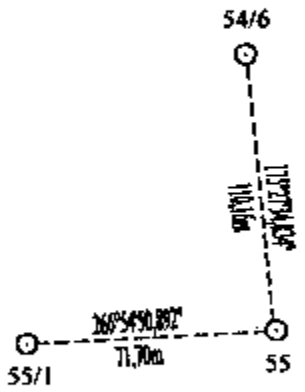		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 11 tháng 6 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55/1 cắm phía Bắc đường quốc lộ 14C (đường Hồ Chí Minh) của Việt Nam, cách tim đường 9m .	1354771,72 764813,01	12 14 39,809 107 26 02,998	932,07 (2,00) Độ cao mặt đất (m) 930,07
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55 đến cột mốc số 55/1 là 266°54'50,892", khoảng cách là 71,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/1 đến cột mốc số 55/2 là 278°12'01,652", khoảng cách là 1377,41m.	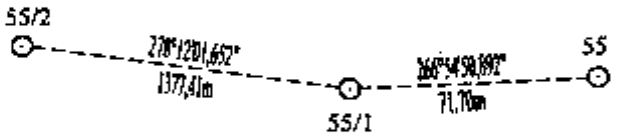		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55/2 cắm phía Tây Bắc đường quốc lộ 14C (đường Hồ Chí Minh) của Việt Nam, cách tim đường 9m.	1354968,19 763449,68	12 14 46,598 107 25 17,970	955,48 (2,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			953,28
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/1 đến cột mốc số 55/2 là 278°12'01,652", khoảng cách là 1377,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/2 đến cột mốc số 55/3 là 212°34'18,727", khoảng cách là 606,72m.	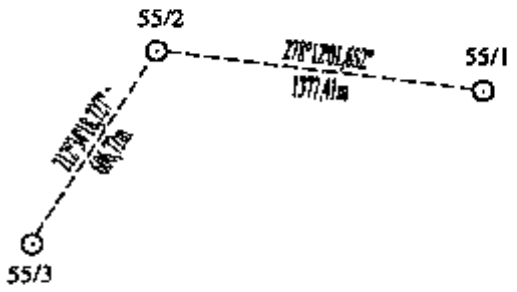		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 6 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55/3 cắm phía Tây đường quốc lộ 14C (đường Hồ Chí Minh) của Việt Nam, cách tim đường 9m.	1354456,90 763123,05	12 14 30,063 107 25 07,017	938,91 (2,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			936,71

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/2 đến cột mốc số 55/3 là 212°34'18.727", khoảng cách là 606,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/3 đến cột mốc số 55/4 là 219°07'28,330", khoảng cách là 384,13m.	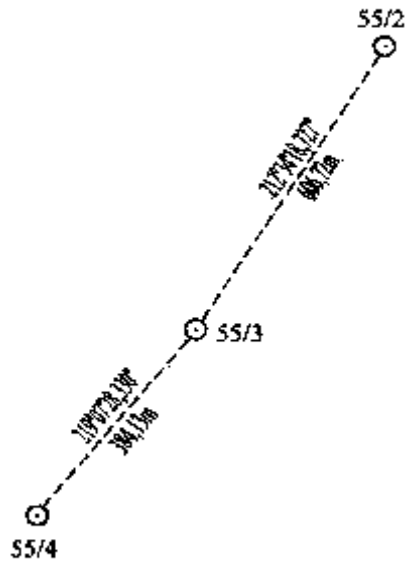

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 16 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55/4 cắm phía Bắc đường quốc lộ 14C (đường Hồ Chí Minh) của Việt Nam, cách tim đường 9m.	1354158,90 762880,66	12 14 20,440 107 24 58,913	939,85 (2,23)
			Độ cao mặt đất (m)
			937,62
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/3 đến cột mốc số 55/4 là 219°07'28,330", khoảng cách là 384,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/4 đến cột mốc số 55/5 là 346°46'12,565", khoảng cách là 725,17m.	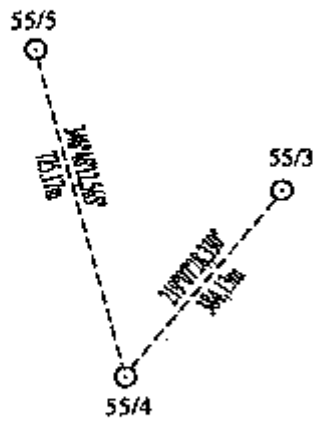		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 6 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55/5 cắm phía Đông Bắc đường quốc lộ 14C (đường Hồ Chí Minh) của Việt Nam, cách tim đường 9m.	1354864,82 762714,70	12 14 43,450 107 24 53,633	940,99 (1,55)
			Độ cao mặt đất (m)
			939,44
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/4 đến cột mốc số 55/5 là 346°46'12,565", khoảng cách là 725,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/5 đến cột mốc số 55/6 là 318°15'16,369", khoảng cách là 634,34m.	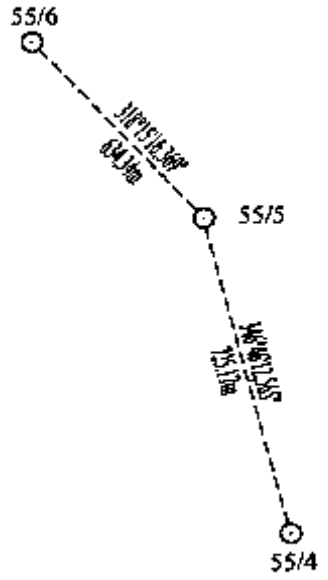		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55/6 cắm phía Đông Bắc đường quốc lộ 14C (đường Hồ Chí Minh) của Việt Nam, cách tim đường 9m.	1355338,11 762292,34	12 14 58,967 107 24 39,805	955,30 (1,80)
			Độ cao mặt đất (m)
			953,50
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/5 đến cột mốc số 55/6 là 318°15'16,369", khoảng cách là 634,34m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/6 đến cột mốc số 55/7 là 288°51'26,946", khoảng cách là 758,13m.	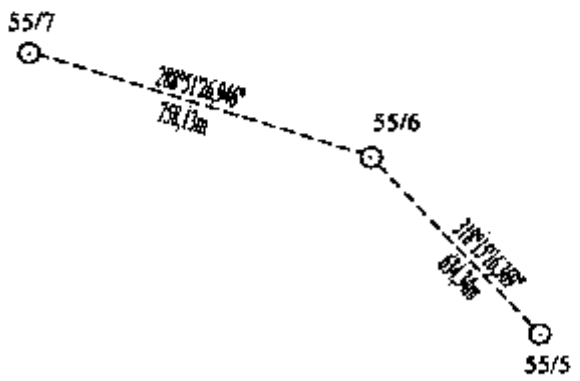		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55/7

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 6 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55/7 cắm phía Bắc đường quốc lộ 14C (đường Hồ Chí Minh) của Việt Nam, cách tim đường 9m.	1355583,15 761574,90	12 15 07,146 107 24 16,151	938,50 (2,00)
			Độ cao mặt đất (m)
			936,50
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/6 đến cột mốc số 55/7 là 288°51'26,946", khoảng cách là 758,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/7 đến cột mốc số 55/8 là 303°15'20,226", khoảng cách là 734,11m	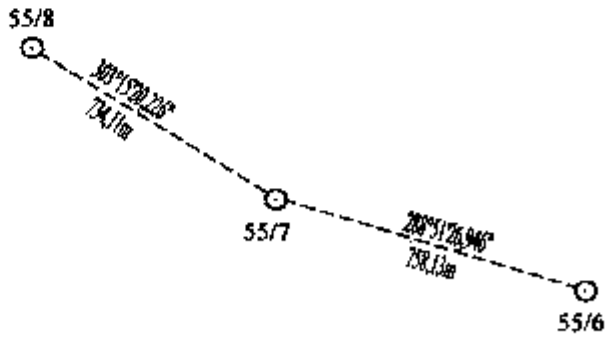		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 55/8

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 05 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 55/8 cắm phía Đông Bắc đường quốc lộ 14C của Việt Nam (đường Hồ Chí Minh), cách tim đường 9m.	1355985,72 760961,01	12 15 20,418 107 23 55,966	920,51 (2.24) Độ cao mặt đất (m) 918,27
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 55/7 đến cột mốc số 55/8 là 303°15'20,226", khoảng cách là 734,11m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 55/8 đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.	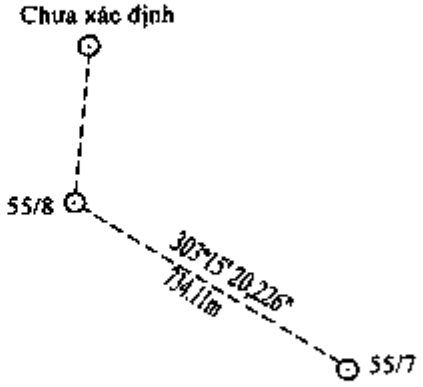		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 09 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/1(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/1(1) và cột mốc số 60/2(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (prêch Đăk Hút) là 26,92m.	1363482.11 746654,34	12 19 28.300 107 16 04,875	518,82 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 517,62
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số .. đến cột mốc số 60/1(1) là .... khoảng cách là ... m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 60/1(1) đến cột mốc số 60/1(2) là 85°22'21.952", khoảng cách là 84,41m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 60/1(1) đến cột mốc số 60/2(1) là 208°13'35.131", khoảng cách là 802,42m.	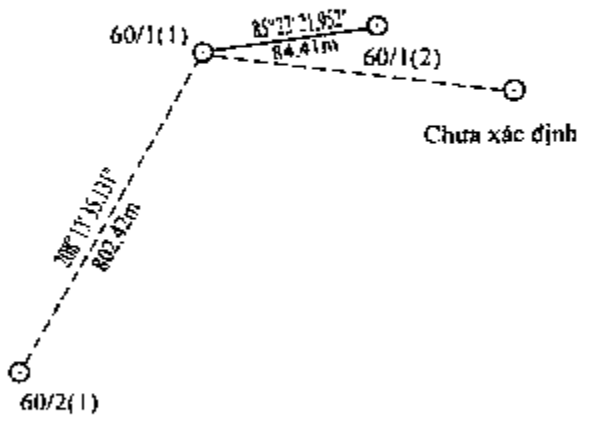		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 11 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/1(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/1(2) và cột mốc số 60/1(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (prêch Đăk Hút) là 57,49m.	1363488,92 746738,48	12 19 28,498 107 16 07,660	515,08 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 513,88

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số ... đến cột mốc số 60/1(2) là .... khoảng cách là ... m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 60/1(1) đến cột mốc số 60/1(2) là 85°22'21,952", khoảng cách là 84,41m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 60/1(2) đến cột mốc số 60/2(1) là 213°00'19,585", khoảng cách là 851,17m.	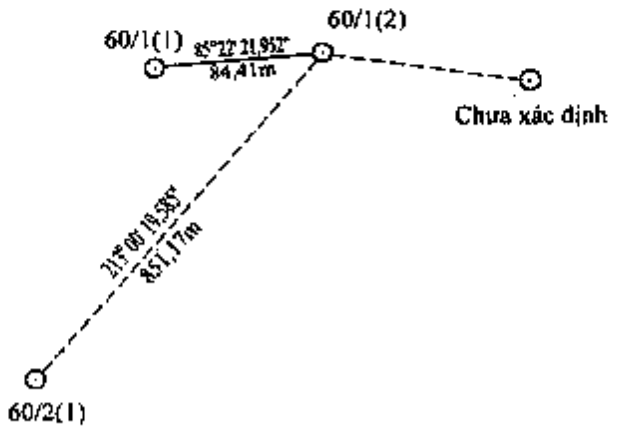

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 9 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/2(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/2(1) và cột mốc số 60/2(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 29,10m.	1362775.11 746274.83	12 19 05.405 107 15 52.121	505,13 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 503,93

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/1(2) đến cột mốc số 60/2(1) là 213°00'19,585", khoảng cách là 851,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/2(1) đến cột mốc số 60/2(2) là 100°00'48,144", khoảng cách là 67,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/2(1) đến cột mốc số 60/3(1) là 223°39'49,514", khoảng cách là 477,27m.	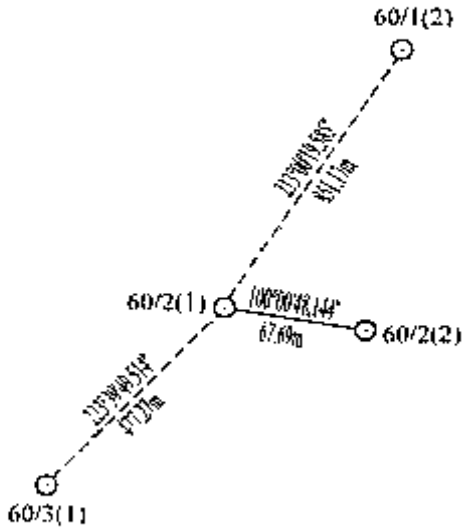

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 11 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/2(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/2(2) và cột mốc số 60/2(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 38,59m.	1362763,34 746341,49	12 19 05,004 107 15 54,323	493,15 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 491,95
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/1(2) đến cột mốc số 60/2(2) là 208°41'04,559", khoảng cách là 827,08m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/2(1) đến cột mốc số 60/2(2) là 100°00'48,144", khoảng cách là 67,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/2(2) đến cột mốc số 60/3(1) là 229°54'37,943", khoảng cách là 517,86m.	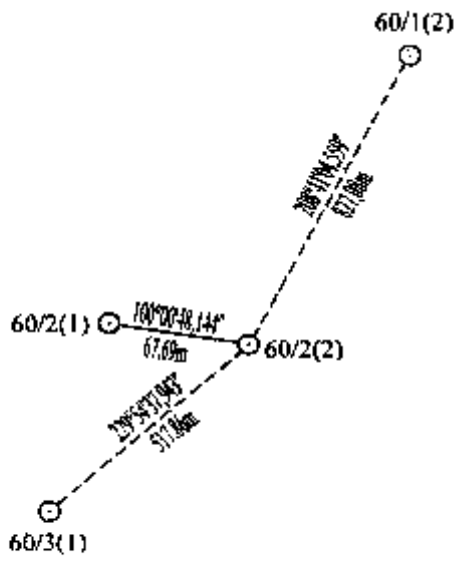		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 9 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/3(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/3(1) và cột mốc số 60/3(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 26,57m.	1362429,85 745945,31	12 18 54,265 107 15 41,124	482,17 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 480,97

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/2(2) đến cột mốc số 60/3(1) là 229°54'37,943", khoảng cách là 517,86m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/3(1) đến cột mốc số 60/3(2) là 222°33'55,626", khoảng cách là 90,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/3(1) đến cột mốc số 60/4(1) là 267°06'29,690", khoảng cách là 490,39m.	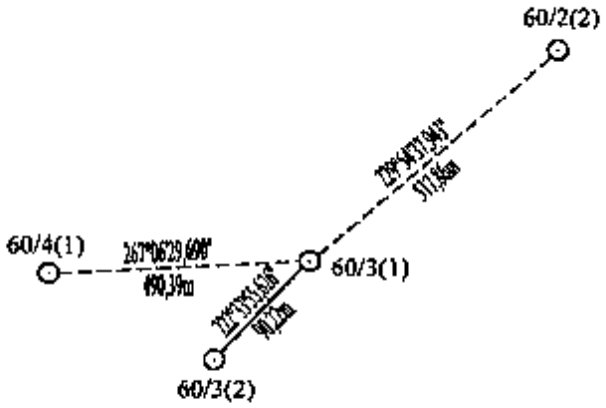

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 11 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/3(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/3(2) và cột mốc số 60/3(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 63,65m.	1362363,40 745884,28	12 18 52,120 107 15 39,086	484,77 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 483,57

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/2(2) đến cột mốc số 60/3(2) là 228°49'21,015", khoảng cách là 607,45m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/3(1) đến cột mốc số 60/3(2) là 222°33'55,626", khoảng cách là 90,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/3(2) đến cột mốc số 60/4(1) là 275°33'23,537", khoảng cách là 430,76m.	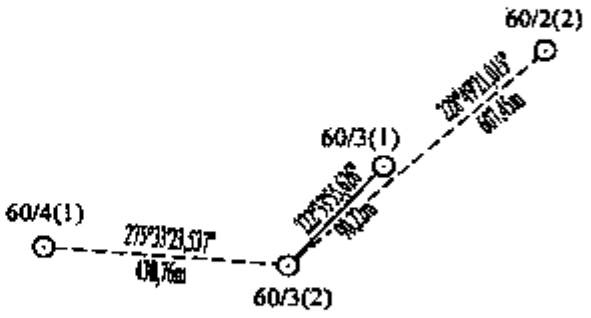

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 11 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/4(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/4(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 28,81m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/4(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/4(2) là 26,90m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/4(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/4(3) là 31,14m.	1362405,11 745455,54	12 18 53,593 107 15 24,913	466,59 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 465,39
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/3(2) đến cột mốc số 60/4(1) là 275°33'23,537", khoảng cách là 430,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(1) đến cột mốc số 60/4(2) là 352°03'58,015", khoảng cách là 57,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(1) đến cột mốc số 60/4(3) là 32°58'23,322", khoảng cách là 62,51m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(2) đến cột mốc số 60/4(3) là 96°32'48,236", khoảng cách là 42,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(1) đến cột mốc số 60/5(1) là 231°46'04,378", khoảng cách là 1149,88m.	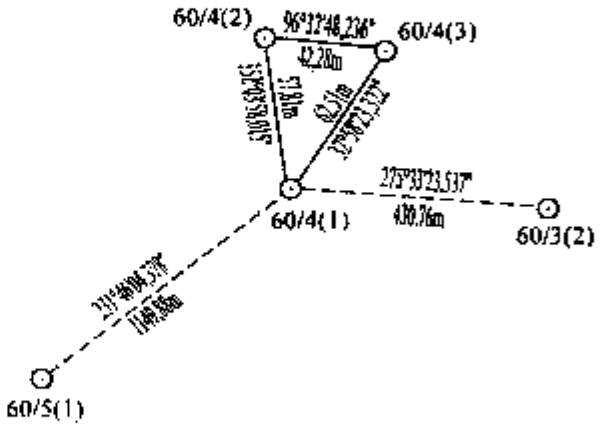		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 7 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/4(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/4(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 34.68m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/4(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/4(1) là 30,91m.	1362462,37 745447,56	12 18 55,458 107 15 24,665	467,32 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 466,12

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/3(2) đến cột mốc số 60/4(2) là 282°46'07,549", khoảng cách là 447,79m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(1) đến cột mốc số 60/4(2) là 352°03'58,015", khoảng cách là 57,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(1) đến cột mốc số 60/4(3) là 32°58'23,322", khoảng cách là 62,51m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(2) đến cột mốc số 60/4(3) là 96°32'48,236", khoảng cách là 42,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(2) đến cột mốc số 60/5(1) là 229°20'37,037", khoảng cách là 1180,10m.	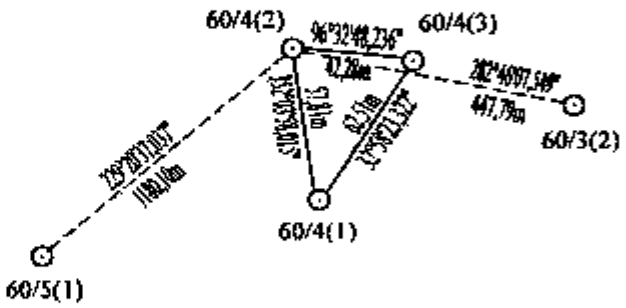

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/4(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ: Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ: Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 60/4(3) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/4(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) và trung tuyến dòng chảy của suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 35.24m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/4(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/4(1) là 31.37m.	1362457.55 745489.56	12 18 55.290 107 15 26.053	469.08 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 467.88

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/3(2) đến cột mốc số 60/4(3) là 283°24'56.582", khoảng cách là 405.79m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(1) đến cột mốc số 60/4(2) là 352°03'58.015", khoảng cách là 57.81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(1) đến cột mốc số 60/4(3) là 32°58'23.322", khoảng cách là 62.51m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(2) đến cột mốc số 60/4(3) là 96°32'48.236", khoảng cách là 42.28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(3) đến cột mốc số 60/5(1) là 230°48'48.989", khoảng cách là 1209.22m.	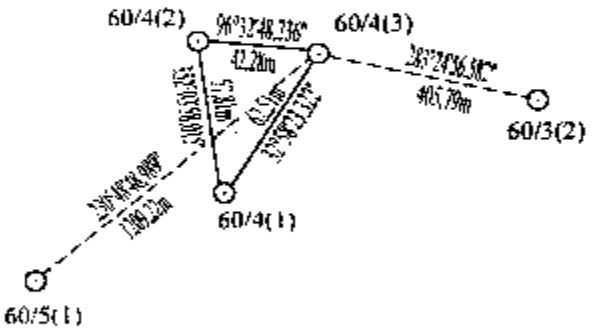

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 9 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/5(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/5(1) và cột mốc số 60/5(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 18,38m.	1361693,51 744552.30	12 18 30,692 107 14 54.834	444,27 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 443,07

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(3) đến cột mốc số 60/5(1) là 230°48'48,989", khoảng cách là 1209,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/5(1) đến cột mốc số 60/5(2) là 181°01'34,976", khoảng cách là 45,78m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/5(1) đến cột mốc số 60/6(1) là 236°37'49,921", khoảng cách là 1170,76m.	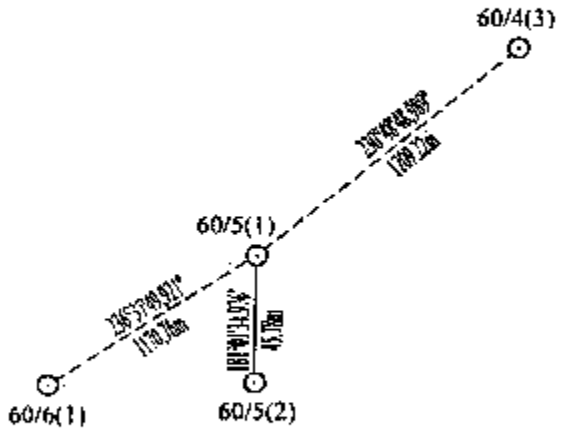

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 11 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/5(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/5(2) và cột mốc số 60/5(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 27,40m.	1361647,74 744551,48	12 18 29,203 107 14 54,794	441,66 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 440,46

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/4(3) đến cột mốc số 60/5(2) là 229°11'49,786", khoảng cách là 1239,27m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/5(1) đến cột mốc số 60/5(2) là 181°01'34,976", khoảng cách là 45,78m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/5(2) đến cột mốc số 60/6(1) là 238°31'12,691", khoảng cách là 1145,52m.	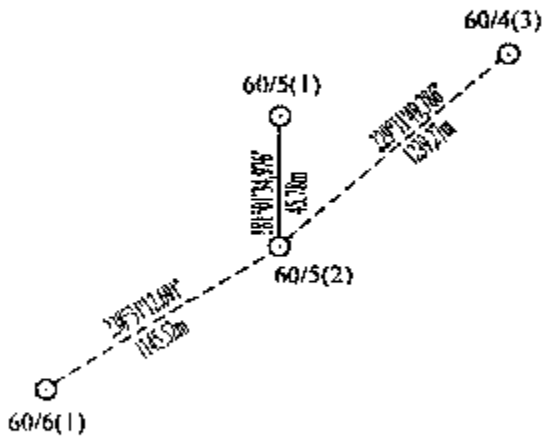

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/6(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 9 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/6(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/6(1) và cột mốc số 60/6(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 55,05m.	1361049,55 743574,55	12 18 10,009 107 14 22,310	438,51 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			437,31
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/5(2) đến cột mốc số 60/6(1) là 238°31'12,691", khoảng cách là 1145,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/6(1) đến cột mốc số 60/6(2) là 56°48'46,490", khoảng cách là 101,10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/6(1) đến cột mốc số 60/7(1) là 231°50'15,891", khoảng cách là 1222,94m.	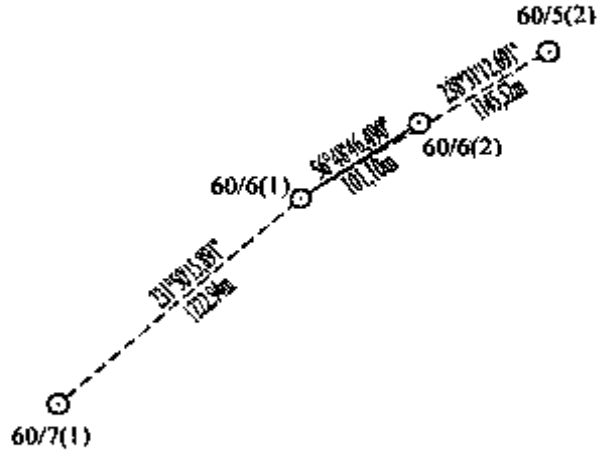		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/6(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 11 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/6(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/6(2) và cột mốc số 60/6(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 46,05m.	1361104,89 743659,16	12 18 11.786 107 14 25.124	429.17 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 427,97

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/5(2) đến cột mốc số 60/6(2) là 238°41'07,532", khoảng cách là 1044,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/6(1) đến cột mốc số 60/6(2) là 56°48'46,490", khoảng cách là 101,10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/6(2) đến cột mốc số 60/7(1) là 232°13'02,164", khoảng cách là 1323,68m.	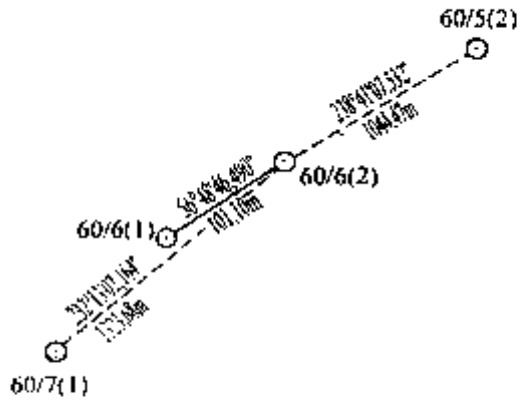

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/7(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 7 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/7(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/7(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của sông Đắk Huýt (Prêch Đắk Hút) với trung tuyến dòng chảy của suối Đăk Đian Kry chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 29,86m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/7(2) là 29,69m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/7(3) là 24,65m.	1360293,91 742613,00	12 17 45,688 107 13 50,292	400,55 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 399,35

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/6(2) đến cột mốc số 60/7(1) là 232°13'02,164", khoảng cách là 1323,68m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(1) đến cột mốc số 60/7(2) là 99°24'16,376", khoảng cách là 86,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(1) đến cột mốc số 60/7(3) là 148°09'48,107", khoảng cách là 73,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(2) đến cột mốc số 60/7(3) là 224°14'58,186", khoảng cách là 66,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(1) đến cột mốc số 60/8(1) là 279°12'35,723", khoảng cách là 1149,81m.	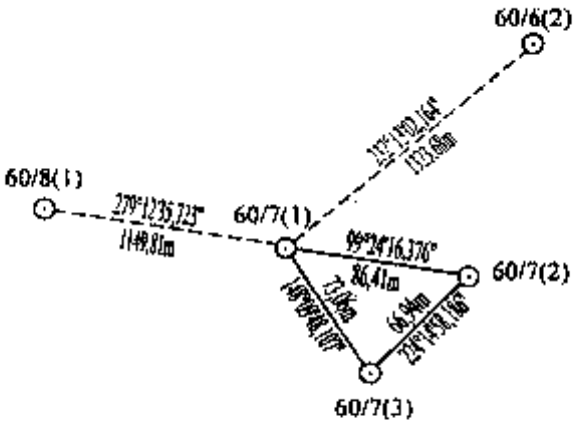

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/7(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 11 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/7(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/7(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) với trung tuyến dòng chảy của suối Đăk Dian Kry chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 59.72m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/7(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/7(1) là 56,72m.	1360279,79 742698,25	12 17 45,206 107 13 53,108	400,95 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 399,75

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/6(2) đến cột mốc số 60/7(2) là 229°20'54,458", khoảng cách là 1266,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(1) đến cột mốc số 60/7(2) là 99°24'16,376", khoảng cách là 86,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(1) đến cột mốc số 60/7(3) là 148°09'48,107", khoảng cách là 73,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(2) đến cột mốc số 60/7(3) là 224°14'58,186", khoảng cách là 66,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(2) đến cột mốc số 60/8(1) là 279°13'24,699", khoảng cách là 1236,22m.	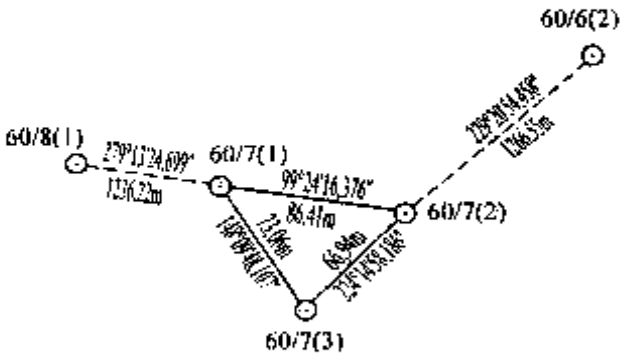

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/7(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 11 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/7(3) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/7(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) và trung tuyến dòng chảy của suối Đăk Đian Kry chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 48.39m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/7(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/7(1) là 48.41m.	1360231,84 742651,54	12 17 43,658 107 13 51,550	400,50 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 399,30

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/6(2) đến cột mốc số 60/7(3) là 229°05'34,019", khoảng cách là 1333,23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(1) đến cột mốc số 60/7(2) là 99°24'16,376", khoảng cách là 86,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(1) đến cột mốc số 60/7(3) là 148°09'48,107", khoảng cách là 73,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(2) đến cột mốc số 60/7(3) là 224°14'58,186", khoảng cách là 66,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(3) đến cột mốc số 60/8(1) là 281°50'37,747", khoảng cách là 1199,06m.	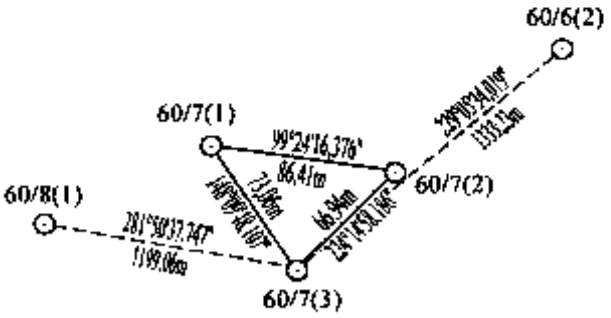

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/8(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 9 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/8(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/8(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/8(1) và cột mốc số 60/8(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút)là 33,26m.	1360477,94 741478.01	12 17 51,980 107 13 12,795	373,90 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 372,70
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(3) đến cột mốc số 60/8(1) là 281°50'37,747", khoảng cách là 1199,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/8(1) đến cột mốc số 60/8(2) là 297°40'49,597", khoảng cách là 67,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/8(1) đến cột mốc số 60/9(1) là 262°51'44,964", khoảng cách là 1513,07m.	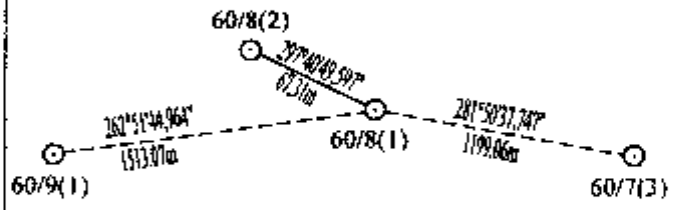		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/8(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 05 tháng 12 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/8(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/8(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/8(2) và cột mốc số 60/8(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 34,05m.	1360509,21 741418,40	12 17 53,013 107 13 10.831	374,13 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 372,93

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/7(3) đến cột mốc số 60/8(2) là 280°12'59,794", khoảng cách là 1213,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/8(1) đến cột mốc số 60/8(2) là 297°40'49,597", khoảng cách là 67,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/8(2) đến cột mốc số 60/9(1) là 261°21'08,146", khoảng cách là 1458,31m.	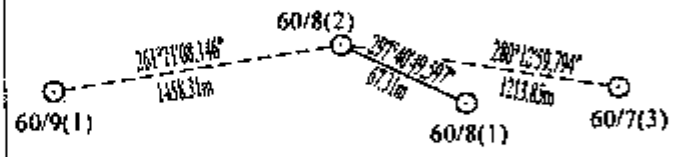

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 3: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 60/9 đến mốc số 79 thuộc tỉnh Bình Phước)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/9(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 10 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/9(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hứt) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/9(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/9(1) và cột mốc số 60/9(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hứt) là 31,37m.	1360289,94 739976,67	12 17 46,266 107 12 23,076	345,48 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 344,28

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/8(2) đến cột mốc số 60/9(1) là 261°21'08,146", khoảng cách là 1458,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/9(1) đến cột mốc số 60/9(2) là 157°30'59,614", khoảng cách là 86,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/9(1) đến cột mốc số 60/10(1) là 266°36'40,097", khoảng cách là 1073,89m.	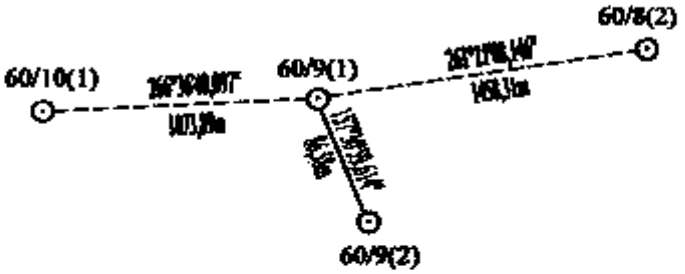

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/9(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/9(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/9(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/9(2) và cột mốc số 60/9(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 55,21m.	1360209,94 740009,78	12 17 43,655 107 12 24,149	395,51 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 394,31

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/8(2) đến cột mốc số 60/9(2) là 258°00'19,814", khoảng cách là 1440,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/9(1) đến cột mốc số 60/9(2) là 157°30'59,614", khoảng cách là 86,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/9(2) đến cột mốc số 60/10(1) là 270°51'23,141", khoảng cách là 1105,24m.	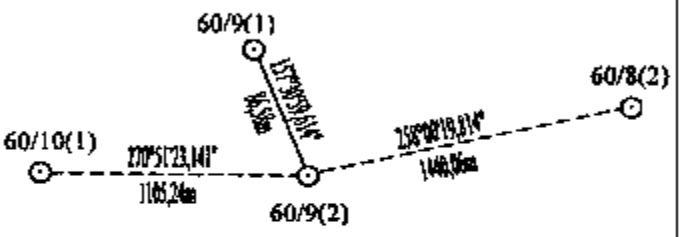

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/10(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/10(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/10(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/10(1) và cột mốc số 60/10(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt là 34,04m.	1360226,46 738904,66	12 17 44,486 107 11 47,594	330,45 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			329,25
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/9(2) đến cột mốc số 60/10(1) là 270°51'23,141", khoảng cách là 1105,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/10(1) đến cột mốc số 60/10(2) là 175°37'55,091", khoảng cách là 80,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/10(1) đến cột mốc số 60/11(1) là 246°03'16,919", khoảng cách là 744,58m.	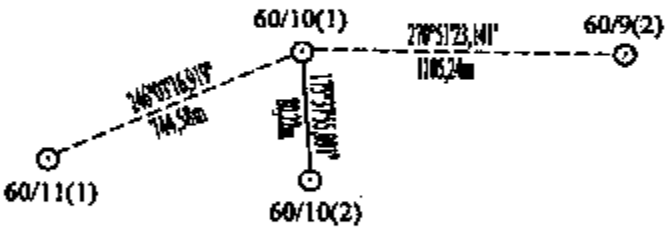		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/10(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 3 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/10(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/10(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/10(2) và cột mốc số 60/10(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 46,18m.	1360146,47 738910,77	12 17 41,883 107 11 47,775	334,14 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 332,94
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/9(2) đến cột mốc số 60/10(2) là 266°41'41,017", khoảng cách là 1100,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/10(1) đến cột mốc số 60/10(2) là 175°37'55,091", khoảng cách là 80,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/10(2) đến cột mốc số 60/11(1) là 252°04'00,053", khoảng cách là 721,67m.	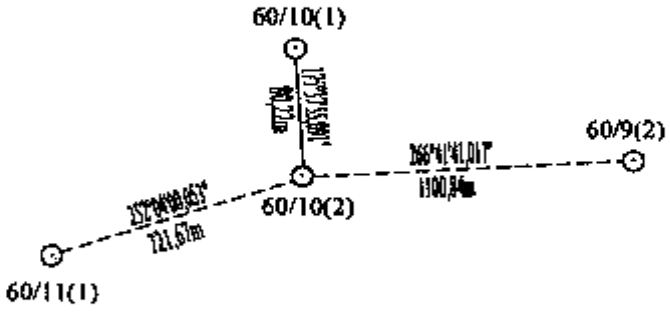		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/11(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/11(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/11(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/11(1) và cột mốc số 60/11(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 23,55m.	1359924,26 738224,16	12 17 34,836 107 11 25,000	323,41 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 322,21
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/10(2) đến cột mốc số 60/11(1) là 252°04'00,053", khoảng cách là 721,67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/11(1) đến cột mốc số 60/11(2) là 62°30'29,524", khoảng cách là 74,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/11(1) đến cột mốc số 60/12(1) là 216°44'41,817", khoảng cách là 1298,63m.	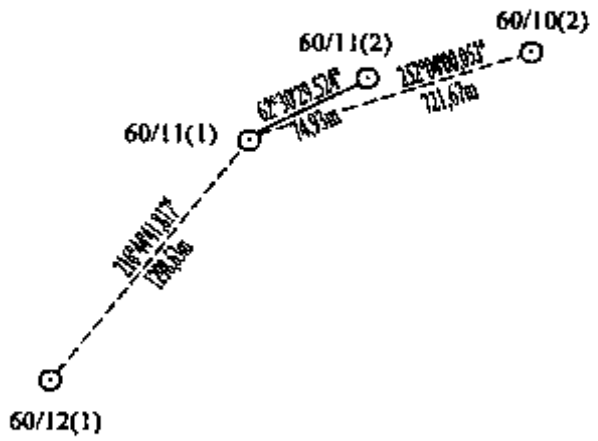		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/11(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 3 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/11(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/11(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/11(2) và cột mốc số 60/11(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 51,38m.	1359958,85 738290,63	12 17 35,943 107 11 27,209	320,59 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 319,39
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/10(2) đến cột mốc số 60/11(2) là 253°10'01,537", khoảng cách là 647,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/11(1) đến cột mốc số 60/11(2) là 62°30'29,524", khoảng cách là 74,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/11(2) đến cột mốc số 60/12(1) là 218°06'38,409", khoảng cách là 1366,50m.	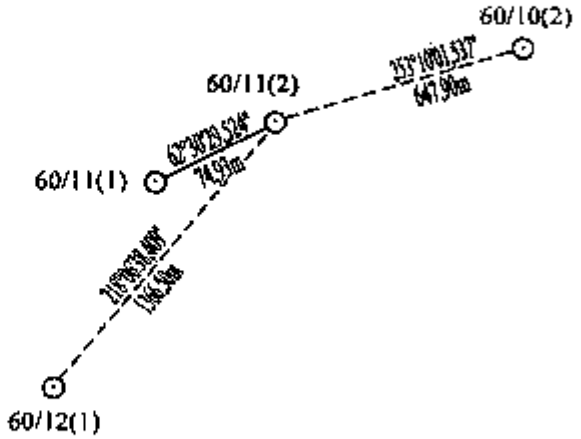		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/12(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đối cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 11 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/12(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/12(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/12(1) và cột mốc số 60/12(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 39,34m.	1358883,66 737447,25	12 17 01,189 107 10 59,019	296,98 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			295,78

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/11(2) đến cột mốc số 60/12(1) là 218°06'38,409", khoảng cách là 1366,50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/12(1) đến cột mốc số 60/12(2) là 184°56'45,722", khoảng cách là 81,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/12(1) đến cột mốc số 60/13(1) là 249°56'43,065", khoảng cách là 860,09m.	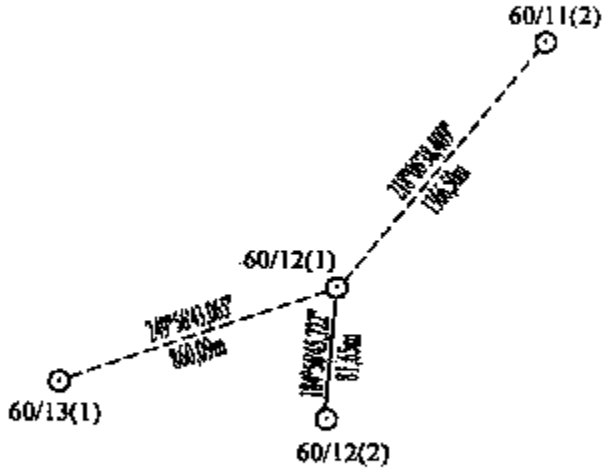

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/12(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/12(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/12(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/12(2) và cột mốc số 60/12(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 42,31m.	1358802,31 737440,21	12 16 58,544 107 10 58,765	316,10 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 314,90

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/11(2) đến cột mốc số 60/12(2) là 216°19'39,229", khoảng cách là 1435,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/12(1) đến cột mốc số 60/12(2) là 184°56'45,722", khoảng cách là 81,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/12(2) đến cột mốc số 60/13(1) là 255°04'02,891", khoảng cách là 828,89m.	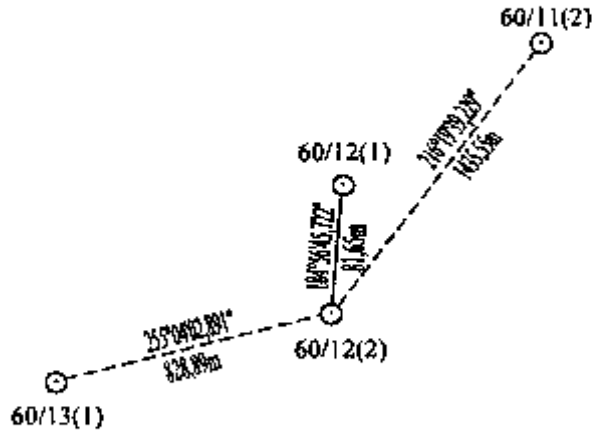

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/13(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 10 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/13(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/13(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) với trung tuyến dòng chảy suối Đắk Do chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 37,72m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/13(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/13(2) là 39,36m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/13(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/13(3) là 34,44m.	1358588,72 736639,31	12 16 51,807 107 10 32,213	282,40 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 281,20

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/12(2) đến cột mốc số 60/13(1) là 255°04'02,891", khoảng cách là 828,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(1) đến cột mốc số 60/13(2) là 110°35'57,281", khoảng cách là 80,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(1) đến cột mốc số 60/13(3) là 170°33'31,256", khoảng cách là 71,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(2) đến cột mốc số 60/13(3) là 236°24'04,430,", khoảng cách là 76,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(1) đến cột mốc số 60/14(1) là 259°14'09,772", khoảng cách là 1433,26m.	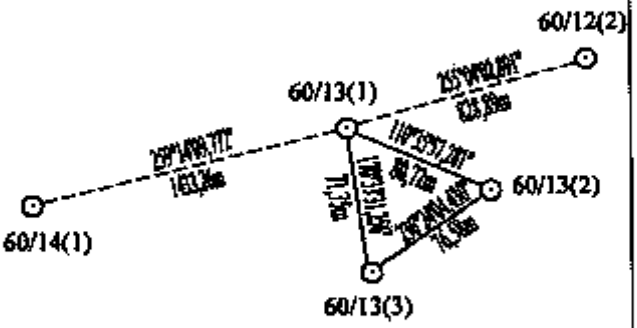

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/13(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/13(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/13(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) với trung tuyến dòng chảy suối Đăk Do chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 53,20m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/13(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/13(1) là 41,36m.	1358560,32 736714,87	12 16 50,863 107 10 34,705	285,13 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 283,93

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/12(2) đến cột mốc số 60/13(2) là 251°33'00.443", khoảng cách là 764,64m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(1) đến cột mốc số 60/13(2) là 110°35'57,281", khoảng cách là 80,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(1) đến cột mốc số 60/13(3) là 170°33'31.256", khoảng cách là 71,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(2) đến cột mốc số 60/13(3) là 236°24'04,430,", khoảng cách là 76,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(2) đến cột mốc số 60/14(1) là 260°50'16,949", khoảng cách là 1502,77m.	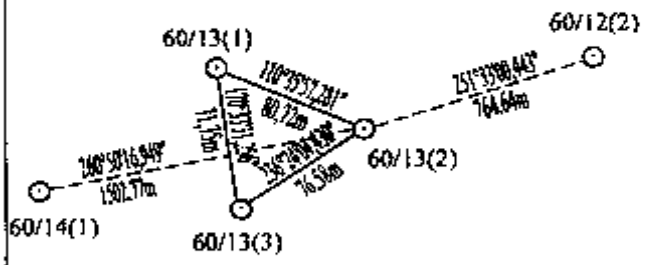

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/13(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 3 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/13(3) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/13(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) với trung tuyến dòng chảy suối Đăk Do chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 41,80m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/13(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/13(1) là 37,31m.	1358517,94 736651,08	12 16 49,501 107 10 32,583	282,06 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 280,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/12(2) đến cột mốc số 60/13(3) là 250°10'58,522", khoảng cách là 838,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(1) đến cột mốc số 60/13(2) là 110°35'57,281", khoảng cách là 80,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(1) đến cột mốc số 60/13(3) là 170°33'31,256", khoảng cách là 71,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(2) đến cột mốc số 60/13(3) là 236°24'04,430,", khoảng cách là 76,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(3) đến cột mốc số 60/14(1) là 262°06'16,380", khoảng cách là 1433,40m.	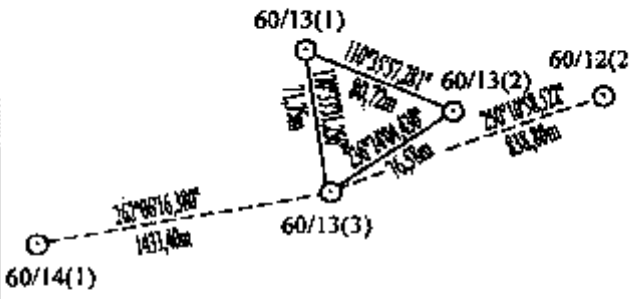		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/14(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 10 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/14(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/14(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/14(1) và cột mốc số 60/14(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 43,04m.	1358321,04 735231,27	12 16 43,467 107 09 45,562	272,74 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 271,54

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(3) đến cột mốc số 60/14(1) là 262°06'16,380", khoảng cách là 1433,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/14(1) đến cột mốc số 60/14(2) là 189°55'58,009", khoảng cách là 79,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/14(1) đến cột mốc số 60/15(1) là 245°38'06,592", khoảng cách là 1281,36m.	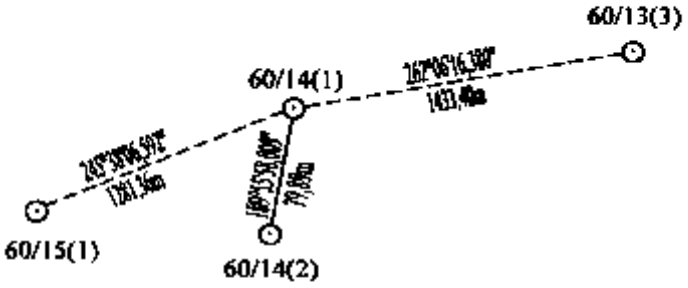

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/14(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/14(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/14(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/14(2) và cột mốc số 60/14(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 36,85m.	1358242,35 735217,49	12 16 40,911 107 09 45,086	275,31 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 274,11

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/13(3) đến cột mốc số 60/14(2) là 259°07'06,031", khoảng cách là 1459,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/14(1) đến cột mốc số 60/14(2) là 189°55'58,009", khoảng cách là 79,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/14(2) đến cột mốc số 60/15(1) là 248°41'26,669", khoảng cách là 1238,11m.	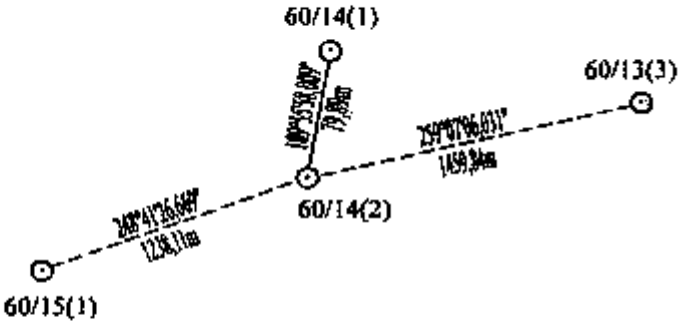

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/15(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/15(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam . Khoảng cách từ cột mốc số 60/15(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy chính sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 34,68m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/15(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/15(2) là 33,72m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/15(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/15(3) là 41,43m.	1357792,42 734064,03	12 16 26,574 107 09 06,809	262,78 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 261,58
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/14(2) đến cột mốc số 60/15(1) là 248°41'26,669", khoảng cách là 1238,11m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(1) đến cột mốc số 60/15(2) là 276°25'30,447", khoảng cách là 75,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(1) đến cột mốc số 60/15(3) là 310°54'35,471", khoảng cách là 70,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(2) đến cột mốc số 60/15(3) là 30°11'02,929,", khoảng cách là 43,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(1) đến cột mốc số 60/16(1) là 206°56'05,167", khoảng cách là 1166,42m.	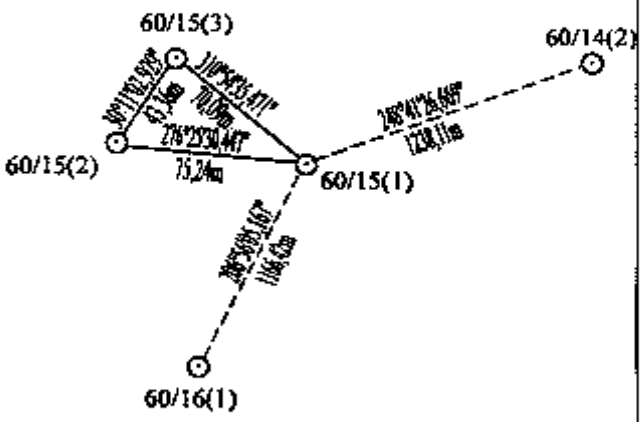		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/15(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 11 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/15(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/15(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy chính sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 40,97m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/15(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/15(1) là 41,52m.	1357800,84 733989,26	12 16 26,868 107 09 04,337	260,98 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 259,78

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/14(2) đến cột mốc số 60/15(2) là 250°13'41,113", khoảng cách là 1305,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(1) đến cột mốc số 60/15(2) là 276°25'30,447", khoảng cách là 75,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(1) đến cột mốc số 60/15(3) là 310°54'35,471", khoảng cách là 70,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(2) đến cột mốc số 60/15(3) là 30°11'02,929,", khoảng cách là 43,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(2) đến cột mốc số 60/16(1) là 203°23'51,010", khoảng cách là 1142,23m.	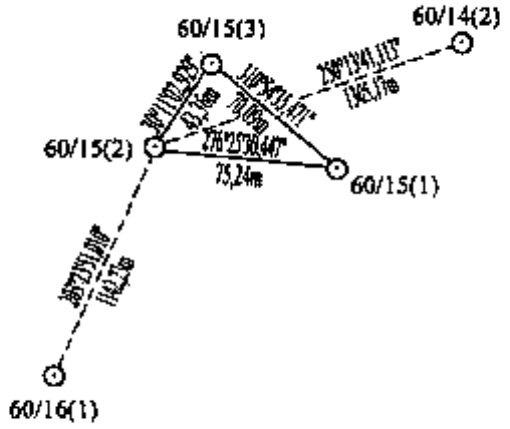

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/15(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 9 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/15(3) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/15(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy chính sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 42,69m. Khoảng cách từ cột mốc số 60/15(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 60/15(1) là 28,66m.	1357838,32 734011,06	12 16 28,081 107 09 05,068	260,28 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 259,08
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/14(2) đến cột mốc số 60/15(3) là 251°29'04,011", khoảng cách là 1272,29m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(1) đến cột mốc số 60/15(2) là 276°25'30,447", khoảng cách là 75,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(1) đến cột mốc số 60/15(3) là 310°54'35,471", khoảng cách là 70,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(2) đến cột mốc số 60/15(3) là 30°11'02,929,", khoảng cách là 43,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(3) đến cột mốc số 60/16(1) là 203°38'42,656", khoảng cách là 1185,30m.	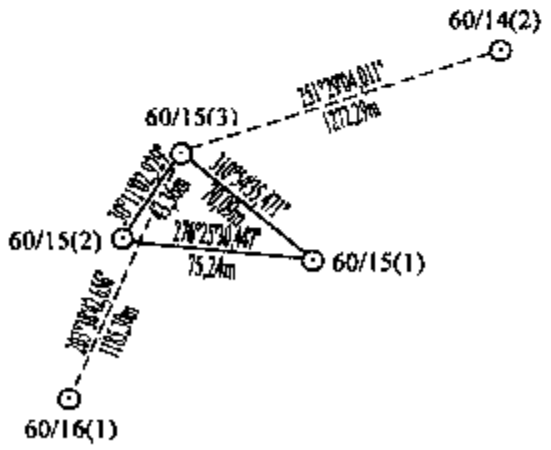		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/16(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 9 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/16(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/14(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/14(1) và cột mốc số 60/14(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 29,16m.	1356752,53 733535,67	12 15 52,881 107 08 49,056	248,91 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 247,71

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(3) đến cột mốc số 60/16(1) là 203°38'42,656", khoảng cách là 1185,30m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/16(1) đến cột mốc số 60/16(2) là 174°20'47,619", khoảng cách là 97,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/16(1) đến cột mốc số 60/17(1) là 194°55'14,895", khoảng cách là 667,69m.	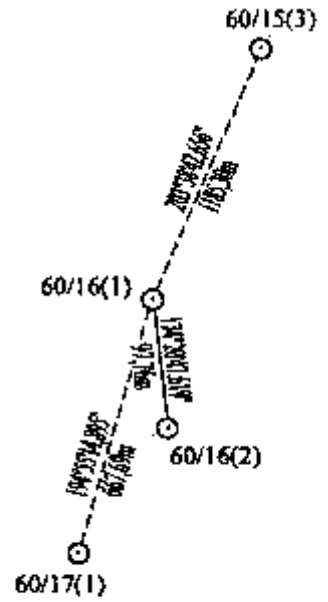

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/16(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 3 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/16(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/16(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/16(2) và cột mốc số 60/16(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 68,60m.	1356655,25 733545,30	12 15 49,714 107 08 49,349	261,34 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 260,14
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/15(3) đến cột mốc số 60/16(2) là 201°29'20,202", khoảng cách là 1271,45m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/16(1) đến cột mốc số 60/16(2) là 174°20'47,619", khoảng cách là 97,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/16(2) đến cột mốc số 60/17(1) là 198°19'58,546", khoảng cách là 577,20m.	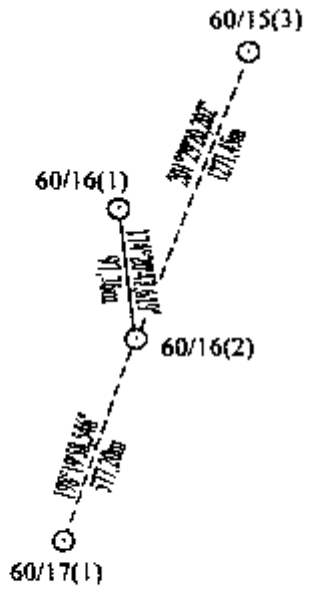		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/17(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 8 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/17(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/17(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/17(1) và cột mốc số 60/17(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 37,84m.	1356107,35 733363,75	12 15 31,937 107 08 43,199	243,55 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 242,35

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/16(2) đến cột mốc số 60/17(1) là 198°19'58,546", khoảng cách là 577,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/17(1) đến cột mốc số 60/17(2) là 197°56'19,548", khoảng cách là 90,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/17(1) đến cột mốc số 60/18(1) là 183°54'03,221", khoảng cách là 939,87m.	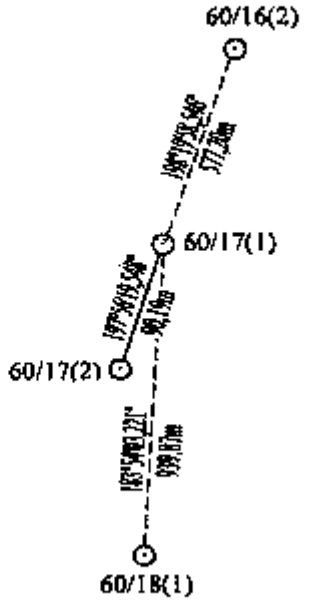

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/17(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/17(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/17(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/17(2) và cột mốc số 60/17(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 52.35m.	1356021,54 733335,97	12 15 29,152 107 08 42,258	250,14 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 248,94

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/16(2) đến cột mốc số 60/17(2) là 198°16'46,776", khoảng cách là 667,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/17(1) đến cột mốc số 60/17(2) là 197°56'19,548", khoảng cách là 90,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/17(2) đến cột mốc số 60/18(1) là 182°25'50,130", khoảng cách là 852,65m.	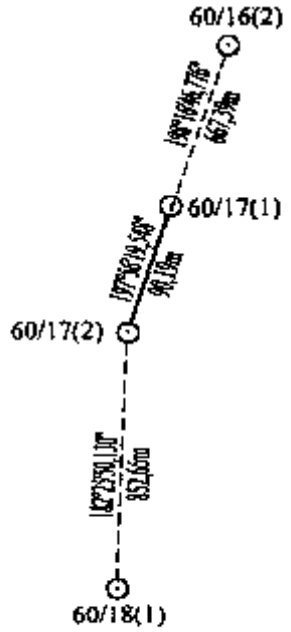

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/18(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/18(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/18(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/18(1) và cột mốc số 60/18(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 41,71m.	1355169,66 733299,81	12 15 01,447 107 08 40,838	238,77 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 237,57
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/17(2) đến cột mốc số 60/18(1) là 182°25'50,130", khoảng cách là 852,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/18(1) đến cột mốc số 60/18(2) là 53°42'24,175", khoảng cách là 99,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/18(1) đến cột mốc số 60/19(1) là 216°17'41,575", khoảng cách là 583,12m.	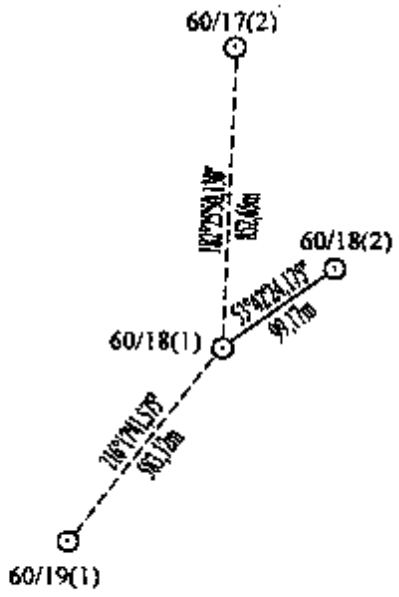		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/18(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 3 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/18(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/18(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/18(2) và cột mốc số 60/18(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 57,46m.	1355228,36 733379,74	12 15 03,337 107 08 43,497	235,93 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 234,73
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/17(2) đến cột mốc số 60/18(2) là 176°50'29,235", khoảng cách là 794,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/18(1) đến cột mốc số 60/18(2) là 53°42'24,175", khoảng cách là 99,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/18(2) đến cột mốc số 60/19(1) là 218°48'07,196", khoảng cách là 678,39m.	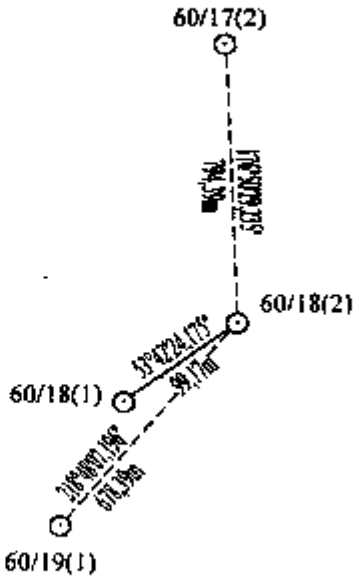		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/19(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 11 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/19(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/19(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/19(1) và cột mốc số 60/19(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 43,64m.	1354699,68 732954,64	12 14 46,247 107 08 29,297	229,72 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 228,52

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/18(2) đến cột mốc số 60/19(1) là 218°48'07,196", khoảng cách là 678,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/19(1) đến cột mốc số 60/19(2) là 112°37'38,744", khoảng cách là 99,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/19(1) đến cột mốc số 60/20(1) là 206°32'29,153", khoảng cách là 1215,01m.	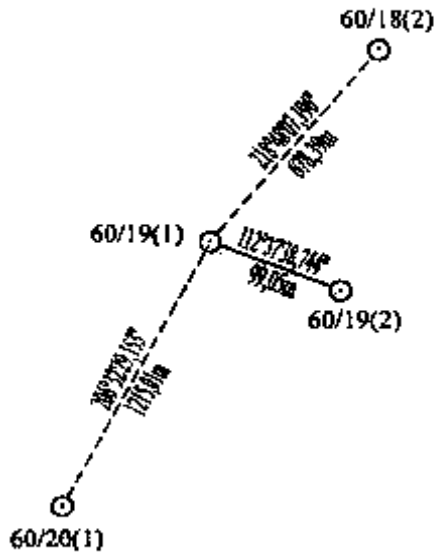

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/19(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/19(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/19(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/19(2) và cột mốc số 60/19(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 55,41m.	1354661,57 733046,07	12 14 44,984 107 08 32,311	246,57 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 245,37

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/18(2) đến cột mốc số 60/19(2) là 210°29'07,355", khoảng cách là 657,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/19(1) đến cột mốc số 60/19(2) là 112°37'38,744", khoảng cách là 99,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/19(2) đến cột mốc số 60/20(1) là 211°09'56,770", khoảng cách là 1225,76m.	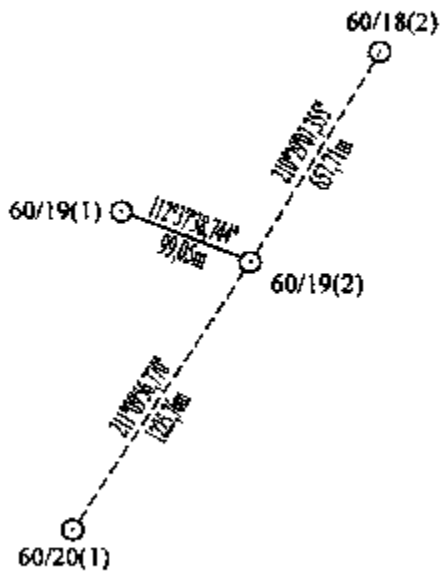

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/20(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/20(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/20(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/20(1) và cột mốc số 60/20(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt(Prêch Đăk Hút) là 52,10m.	1353612,72 732411,72	12 14 11,025 107 08 11,054	230,87 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 229,67
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/19(2) đến cột mốc số 60/20(1) là 211°09'56,770", khoảng cách là 1225,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/20(1) đến cột mốc số 60/20(2) là 23°39'03,456", khoảng cách là 162,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/20(1) đến cột mốc số 60/21(1) là 168°06'52,237", khoảng cách là 698,55m.	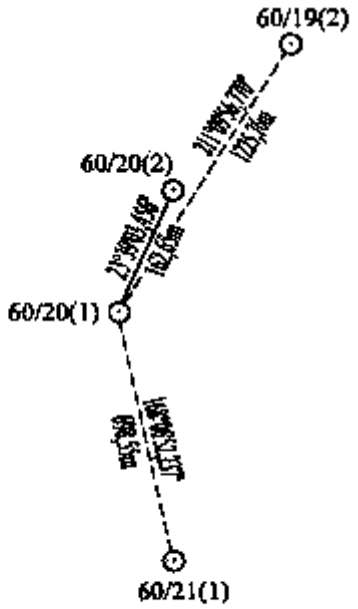		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/20(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/20(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/20(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/20(2) và cột mốc số 60/20(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 110,55m.	1353761,71 732476,97	12 14 15,855 107 08 13,251	276,98 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 275,78

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/19(2) đến cột mốc số 60/20(2) là 212°18'38,010", khoảng cách là 1064,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/20(1) đến cột mốc số 60/20(2) là 23°39'03,456", khoảng cách là 162,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/20(2) đến cột mốc số 60/21(1) là 174°36'19,667", khoảng cách là 836,26m.	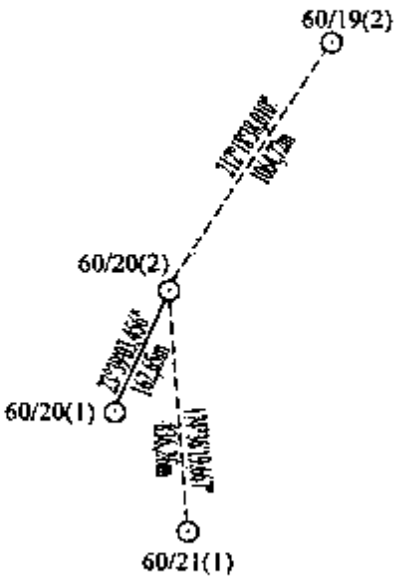

498

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/21(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 11 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/21(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/21(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/21(1) và cột mốc số 60/21(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 48,18m.	1352929,15 732555,59	12 13 48,750 107 08 15,634	216,75 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 215,55

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/20(2) đến cột mốc số 60/21(1) là 174°36'19,667", khoảng cách là 836,26m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/21(1) đến cột mốc số 60/21(2) là 92°57'56,976", khoảng cách là 96,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/21(1) đến cột mốc số 60/22(1) là 234°25'34,822", khoảng cách là 1051,38m.	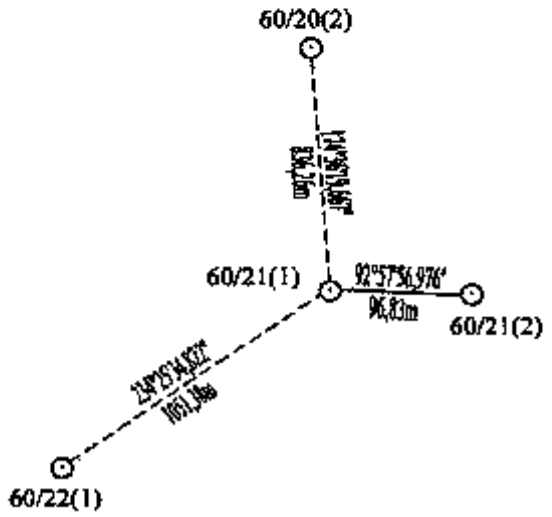

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/21(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/21(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/21(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/21(2) và cột mốc số 60/21(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 48,65m.	1352924,14 732652,29	12 13 48,561 107 08 18,832	213,81 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 212,61

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/20(2) đến cột mốc số 60/21(2) là 168°10'39,185", khoảng cách là 855,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/21(1) đến cột mốc số 60/21(2) là 92°57'56,976", khoảng cách là 96,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/21(2) đến cột mốc số 60/22(1) là 237°29'24,814", khoảng cách là 1128,73m.	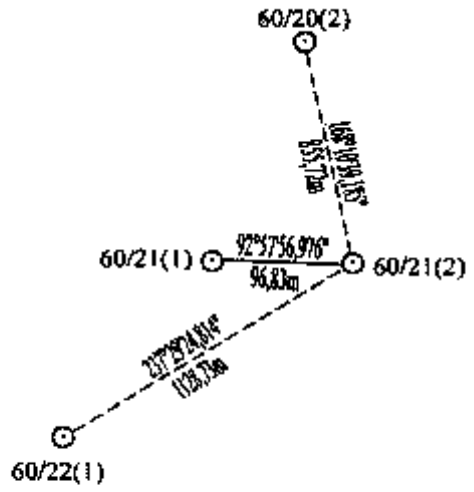

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/22(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/22(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/22(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/22(1) và cột mốc số 60/22(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 32,77m.	1352317,51 731700,43	12 13 29,071 107 07 47,190	212,71 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			211,51
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/21(2) đến cột mốc số 60/22(1) là 237°29'24,814", khoảng cách là 1128,73m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/22(1) đến cột mốc số 60/22(2) là 112°10'43,059", khoảng cách là 83,21m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/22(1) đến cột mốc số 60/23(1) là 272°01'42,461", khoảng cách là 1041,36m.	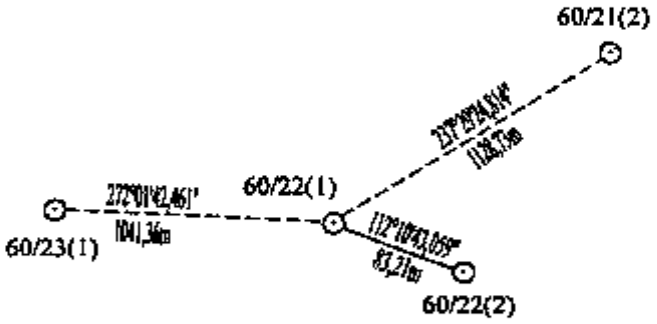		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/22(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/22(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/22(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/22(2) và cột mốc số 60/22(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 50,44m.	1352286,10 731777,48	12 13 28,029 107 07 49,730	214,11 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 212,91

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/21(2) đến cột mốc số 60/22(2) là 233°53'41,903", khoảng cách là 1082,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/22(1) đến cột mốc số 60/22(2) là 112°10'43,059", khoảng cách là 83,21m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/22(2) đến cột mốc số 60/23(1) là 273°29'42,511", khoảng cách là 1119,84m.	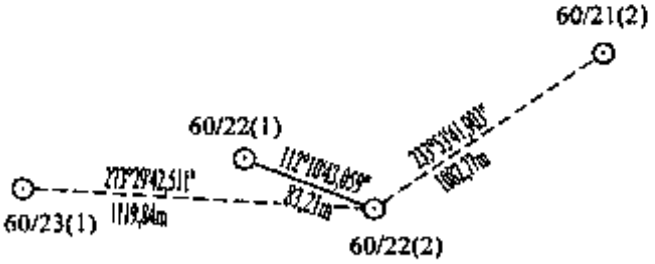

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/23(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 11 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/23(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/23(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/23(1) và cột mốc số 60/23(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 89,33m.	1352354,37 730659,72	12 13 30,536 107 07 12,778	241,56 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 240,36

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/22(2) đến cột mốc số 60/23(1) là 273°29'42,511", khoảng cách là 1119,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/23(1) đến cột mốc số 60/23(2) là 156°08'22,367", khoảng cách là 144,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/23(1) đến cột mốc số 60/24(1) là 225°41'40,257", khoảng cách là 1545,32m.	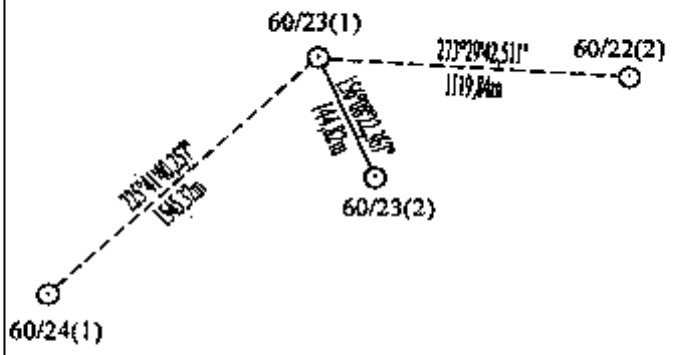

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/23(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đối cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 01 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/23(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/23(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/23(2) và cột mốc số 60/23(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 55,49m.	1352221,93 730718,30	12 13 26,212 107 07 14,681	219,01 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 217,81
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/22(2) đến cột mốc số 60/23(2) là 266°31'58,784", khoảng cách là 1061,12m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/23(1) đến cột mốc số 60/23(2) là 156°08'22,367", khoảng cách là 144,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/23(2) đến cột mốc số 60/24(1) là 230°52'54,180". khoảng cách là 1500,88m.	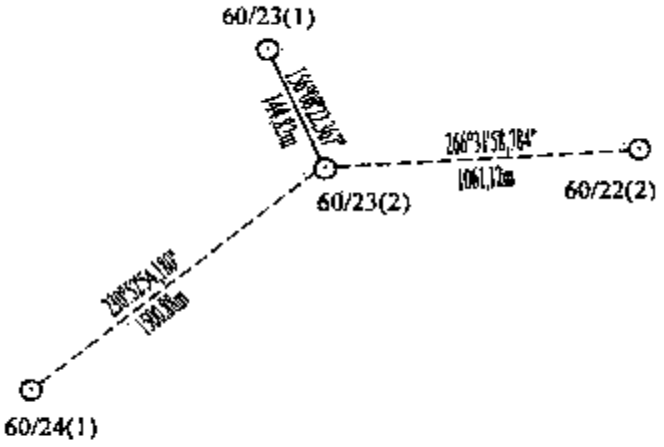		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/24(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/24(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/24(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/24(1) và cột mốc số 60/24(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 33,63m.	1351274,99 729553,85	12 12 55,701 107 06 35,922	198,04 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 196,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/23(2) đến cột mốc số 60/24(1) là 230°52'54,180", khoảng cách là 1500,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/24(1) đến cột mốc số 60/24(2) là 78°16'42,665", khoảng cách là 72,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/24(1) đến cột mốc số 60/25(1) là 220°31'46,088", khoảng cách là 608,26m.	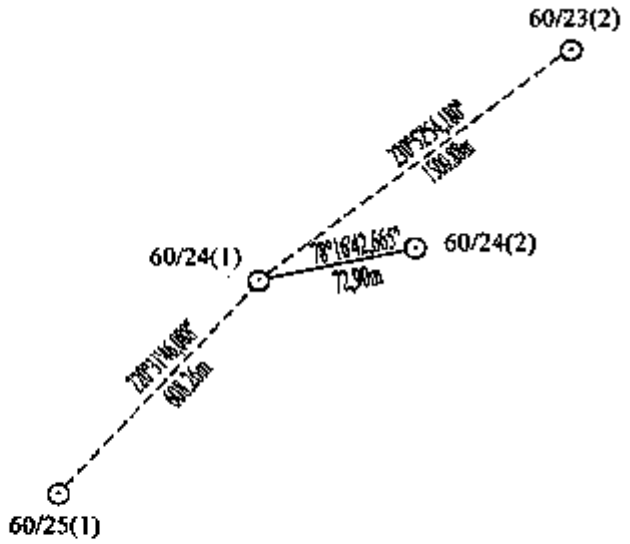		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/24(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 02 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/24(2) cắm trên bờ sông Đăk Huỳt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/24(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/24(2) và cột mốc số 60/24(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huỳt (Prêch Đắk Hút) là 39,27m.	1351289,80 729625,23	12 12 56,165 107 06 38,287	193,02 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			191,82
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/23(2) đến cột mốc số 60/24(2) là 229°32'37,219", khoảng cách là 1436,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/24(1) đến cột mốc số 60/24(2) là 78°16'42,665", khoảng cách là 72,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/24(2) đến cột mốc số 60/25(1) là 224°21'49,671". khoảng cách là 667,39m.	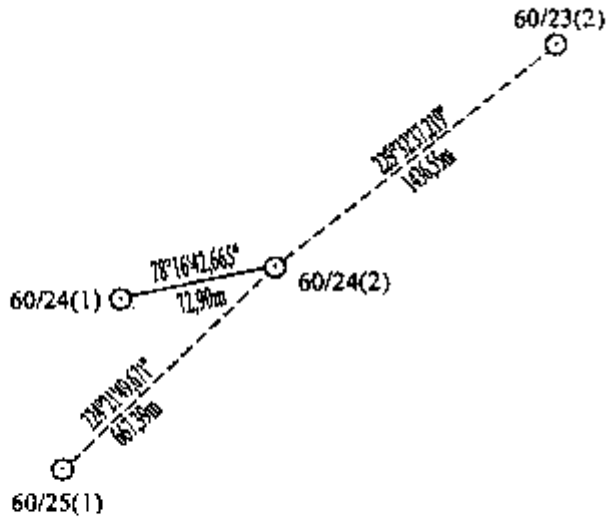		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/25(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/25(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/25(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/25(1) và cột mốc số 60/25(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 92,22m.	1350812,67 729158,58	12 12 40,760 107 06 22,730	197,88 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 196,68
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/24(2) đến cột mốc số 60/25(1) là 224°21'49,671", khoảng cách là 667,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/25(1) đến cột mốc số 60/25(2) là 113°35'50,199", khoảng cách là 140,02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/25(1) đến cột mốc số 60/26(1) là 213°40'23,133", khoảng cách là 1282,51m.	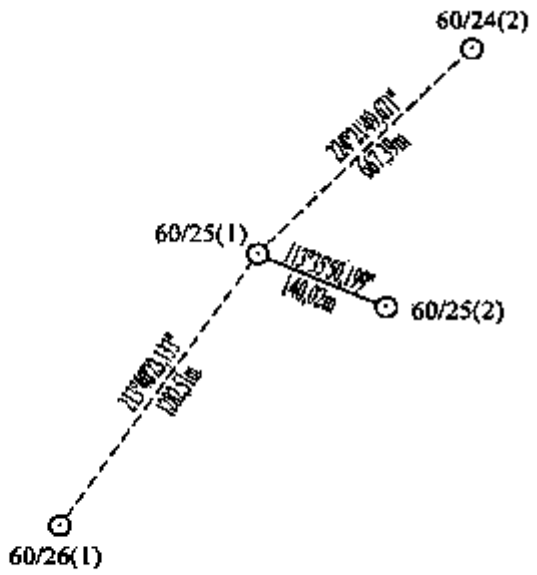		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/25(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 03 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/25(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/25(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/25(2) và cột mốc số 60/25(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 47.80m.	1350756,62 729286,89	12 12 38,904 107 06 26,960	193,34 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 192,14
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/24(2) đến cột mốc số 60/25(2) là 212°23'52.742", khoảng cách là 631.47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/25(1) đến cột mốc số 60/25(2) là 113°35'50.199", khoảng cách là 140.02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/25(2) đến cột mốc số 60/26(1) là 219°41'39.166", khoảng cách là 1314.25m.	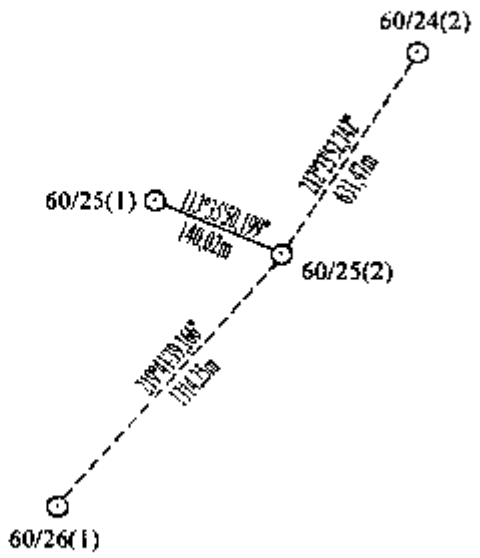		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/26(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/26(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/26(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/26(1) và cột mốc số 60/26(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 42,79m.	1349745,35 728447,49	12 12 06,216 107 05 58,938	184,66 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			183,46
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/25(2) đến cột mốc số 60/26(1) là 219°41'39,166", khoảng cách là 1314,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/26(1) đến cột mốc số 60/26(2) là 152°09'27,949", khoảng cách là 87,68m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/26(1) đến cột mốc số 60/27(1) là 196°12'05,082", khoảng cách là 1516,77m.	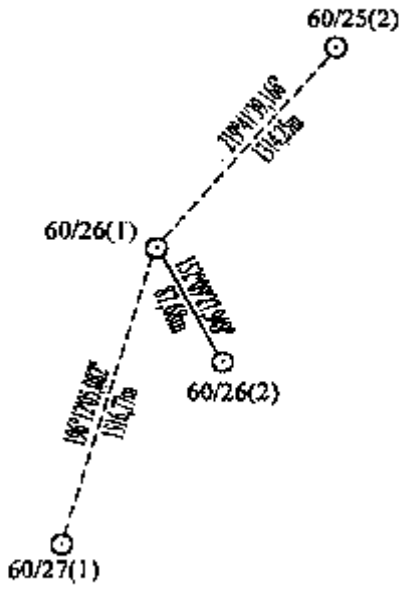		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/26(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 4 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/26(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/26(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/26(2) và cột mốc số 60/26(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 44,89m.	1349667,82 728488,44	12 12 03,684 107 06 00,272	189,80 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 188,60

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/25(2) đến cột mốc số 60/26(2) là 216°15'13.405", khoảng cách là 1350,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/26(1) đến cột mốc số 60/26(2) là 152°09'27.949", khoảng cách là 87,68m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/26(2) đến cột mốc số 60/27(1) là 198°36'08,764", khoảng cách là 1455,02m.	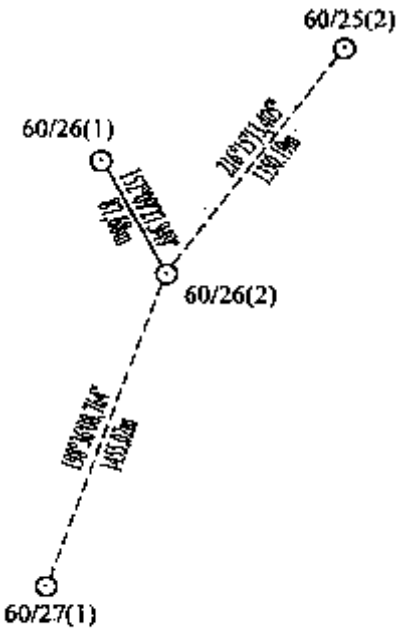

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/27(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 8 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/27(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/27(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/27(1) và cột mốc số 60/27(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 34,53m.	1348288,82 728024,29	12 11 18,936 107 05 44,569	182,14 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 180,94

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/26(2) đến cột mốc số 60/27(1) là 198°36'08,764", khoảng cách là 1455,02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/27(1) đến cột mốc số 60/27(2) là 86°10'34,491", khoảng cách là 74,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/27(1) đến cột mốc số 60/28(1) là 234°06'20,057", khoảng cách là 1191,71m.	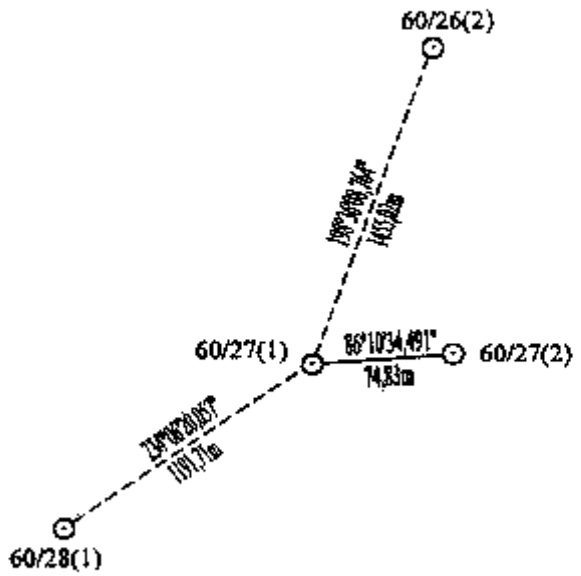

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/27(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/27(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/27(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/27(2) và cột mốc số 60/27(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 40,30m.	1348293,81 728098,95	12 11 19,080 107 05 47,040	190,35 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 189,15
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/26(2) đến cột mốc số 60/27(2) là 195°49'35,107", khoảng cách là 1428,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/27(1) đến cột mốc số 60/27(2) là 86°10'34,491", khoảng cách là 74,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/27(2) đến cột mốc số 60/28(1) là 235°55'07,131", khoảng cách là 1255,74m.	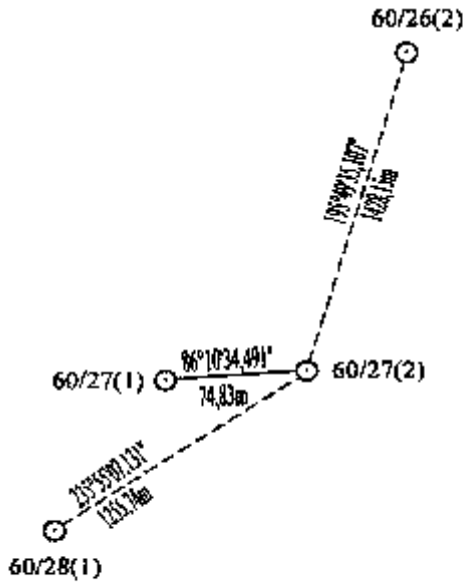		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/28(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 11 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/28(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/28(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/28(1) và cột mốc số 60/28(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 82,33m.	1347590,13 727058,89	12 10 56,447 107 05 12,465	179,99 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			178,79

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/27(2) đến cột mốc số 60/28(1) là 235°55'07,131", khoảng cách là 1255,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/28(1) đến cột mốc số 60/28(2) là 140°45'25,192", khoảng cách là 120,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/28(1) đến cột mốc số 60/29(1) là 301°03'40,933", khoảng cách là 1313,66m.	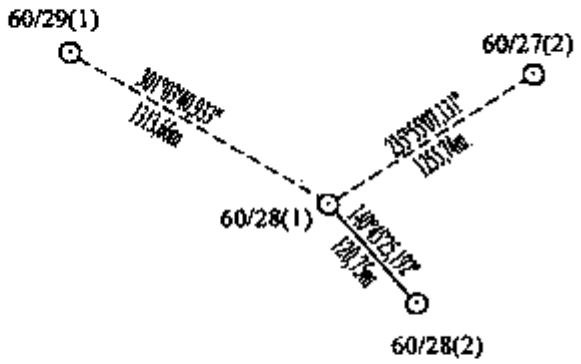

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/28(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/28(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/28(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/28(2) và cột mốc số 60/28(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 38,42m.	1347496,61 727135,28	12 10 53,385 107 05 14,967	178,06 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 176,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/27(2) đến cột mốc số 60/28(2) là 230°24'02,180", khoảng cách là 1250,67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/28(1) đến cột mốc số 60/28(2) là 140°45'25,192", khoảng cách là 120,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/28(2) đến cột mốc số 60/29(1) là 302°41'40,397", khoảng cách là 1427,93m.	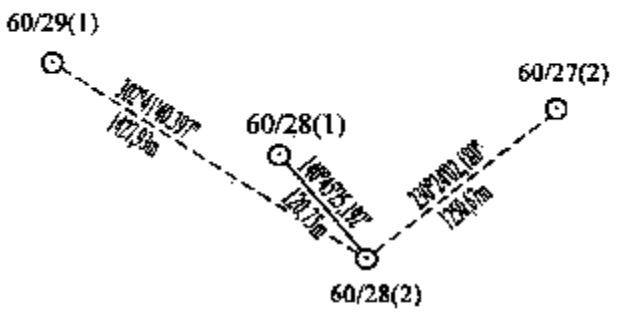		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/29(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/29(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/29(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/29(1) và cột mốc số 60/29(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 43,30m.	1348267,92 725933,59	12 11 18,779 107 04 35,422	170,24 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 169,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/28(2) đến cột mốc số 60/29(1) là 302°41'40,397", khoảng cách là 1427,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/29(1) đến cột mốc số 60/29(2) là 209°02'00,698", khoảng cách là 73,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/29(1) đến cột mốc số 60/30(1) là 213°29'06,629", khoảng cách là 1286,68m.	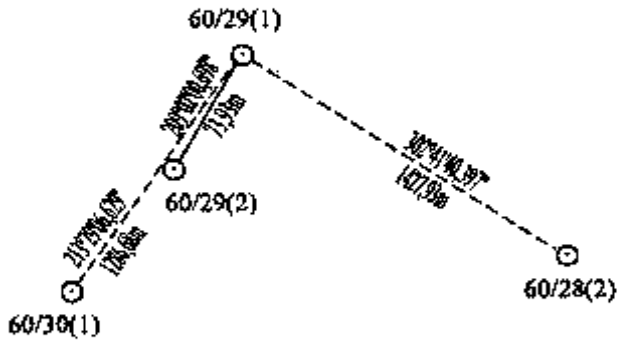		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/29(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 4 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/29(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/29(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/29(2) và cột mốc số 60/29(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 30,63m.	1348203,28 725897,71	12 11 16,685 107 04 34,219	174,92 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 173,72

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/28(2) đến cột mốc số 60/29(2) là 299°43'37,124", khoảng cách là 1425,12m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/29(1) đến cột mốc số 60/29(2) là 209°02'00,698", khoảng cách là 73,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/29(2) đến cột mốc số 60/30(1) là 213°45'22,414", khoảng cách là 1212,99m.	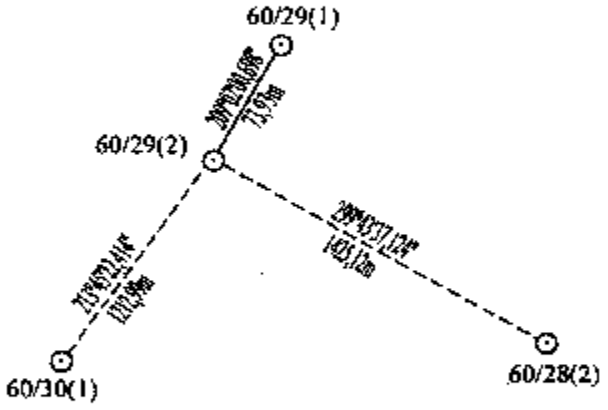

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/30(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 08 tháng 10 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/30(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/30(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/30(1) và cột mốc số 60/30(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 79,18m.	1347194,79 725223,70	12 10 44,042 107 04 11,674	197,21 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 196,01
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/29(2) đến cột mốc số 60/30(1) là 213°45'22,414", khoảng cách là 1212,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/30(1) đến cột mốc số 60/30(2) là 149°37'54,406", khoảng cách là 112,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/30(1) đến cột mốc số 60/31(1) là 141°07'31,669", khoảng cách là 923,03m.	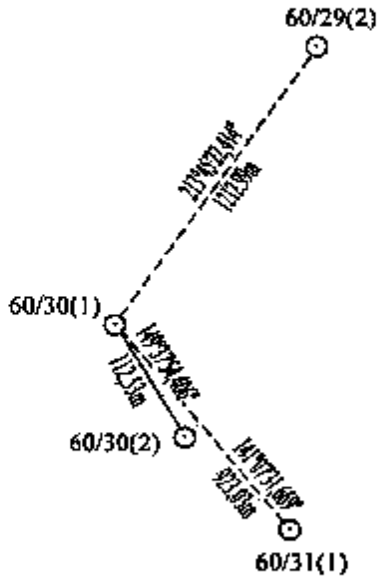		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/30(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/30(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/30(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/30(2) và cột mốc số 60/30(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 33,35m.	1347097,70 725280,59	12 10 40,870 107 04 13,531	166,95 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 165,75
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/29(2) đến cột mốc số 60/30(2) là 209°10'10,818", khoảng cách là 1266,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/30(1) đến cột mốc số 60/30(2) là 149°37'54,406", khoảng cách là 112,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/30(2) đến cột mốc số 60/31(1) là 139°5'02,671", khoảng cách là 811,91m.	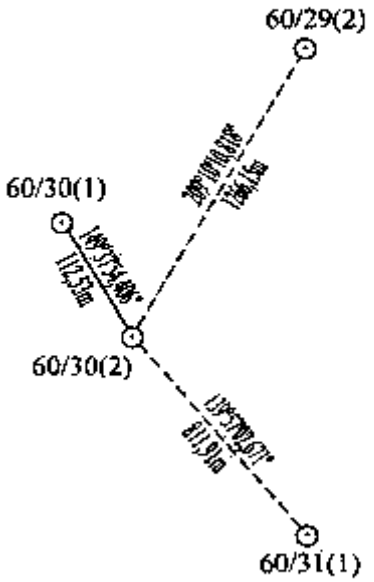		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/31(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 11 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/31(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/31(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/31(1) và cột mốc số 60/31(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 44,86m.	1346476,19 725803,01	12 10 20,519 107 04 30,650	164,56 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			163,36
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/30(2) đến cột mốc số 60/31(1) là 139°57'02,671", khoảng cách là 811,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/31(1) đến cột mốc số 60/31(2) là 77°43'20,865", khoảng cách là 85,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/31(1) đến cột mốc số 60/32(1) là 174°28'36,987", khoảng cách là 944,24m.	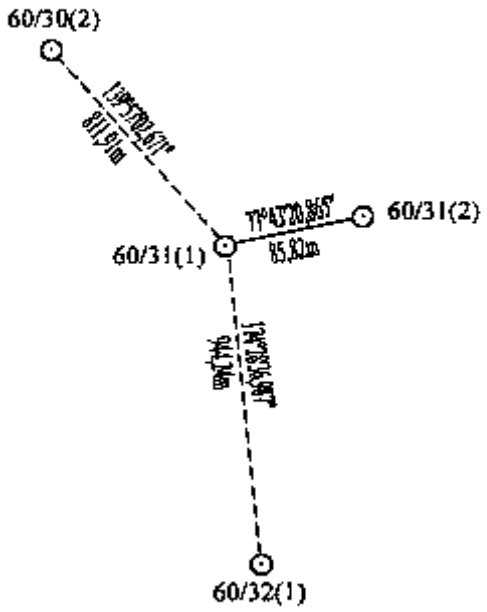		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/31(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc dòi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/31(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/31(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/31(2) và cột mốc số 60/31(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 40,96m.	1346494,44 725886,87	12 10 21,092 107 04 33,428	169,80 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			168,60
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/30(2) đến cột mốc số 60/31(2) là 134°51'24,996", khoảng cách là 855,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/31(1) đến cột mốc số 60/31(2) là 77°43'20,865", khoảng cách là 85,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/31(2) đến cột mốc số 60/32(1) là 179°34'48,740", khoảng cách là 958,14m.	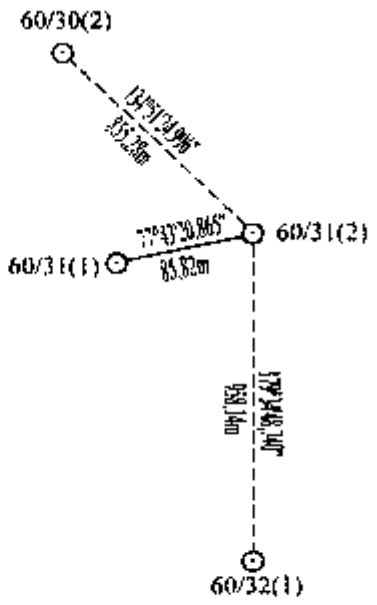		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/32(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 9 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/32(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/32(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/32(1) và cột mốc số 60/32(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 39,50m.	1345536,33 725893,89	12 09 49,919 107 04 33,418	162,28 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 161,08
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/31(2) đến cột mốc số 60/32(1) là 179°34'48,740", khoảng cách là 958,14m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/32(1) đến cột mốc số 60/32(2) là 231°48'30,246", khoảng cách là 83,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/32(1) đến cột mốc số 60/33(1) là 253°08'24,990", khoảng cách là 1490,99m.	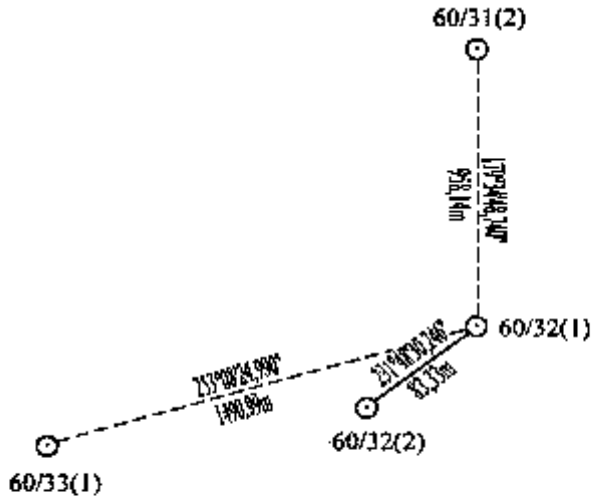		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/32(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/32(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/32(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/32(2) và cột mốc số 60/31(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 43,83m.	1345484,81 725828,40	12 09 48,259 107 04 31,239	168,87 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 167,67
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/31(2) đến cột mốc số 60/32(2) là 183°18'51,943", khoảng cách là 1011,32m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/32(1) đến cột mốc số 60/32(2) là 231°48'30,246", khoảng cách là 83,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/32(2) đến cột mốc số 60/33(1) là 254°22'07,927", khoảng cách là 1413,69m.	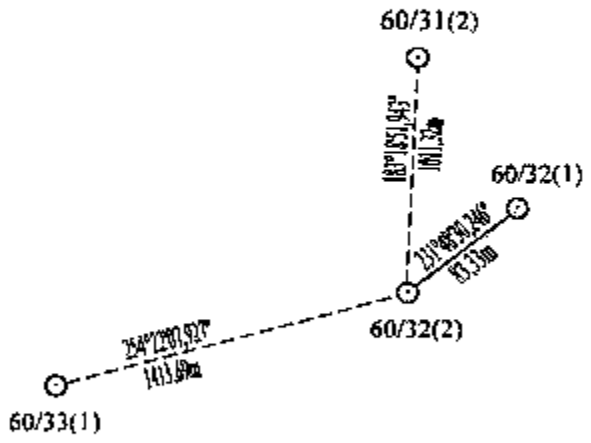		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/33(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi càng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 9 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/33(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/33(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/33(1) và cột mốc số 60/33(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 24,44m.	1345103,90 724466,99	12 09 36,203 107 03 46,124	163,73 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 162,53

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/32(2) đến cột mốc số 60/33(1) là 254°22'07,927", khoảng cách là 1413,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/33(1) đến cột mốc số 60/33(2) là 281°53'40,602", khoảng cách là 94,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/33(1) đến cột mốc số 60/34(1) là 216°44'30,507", khoảng cách là 1453,75m.	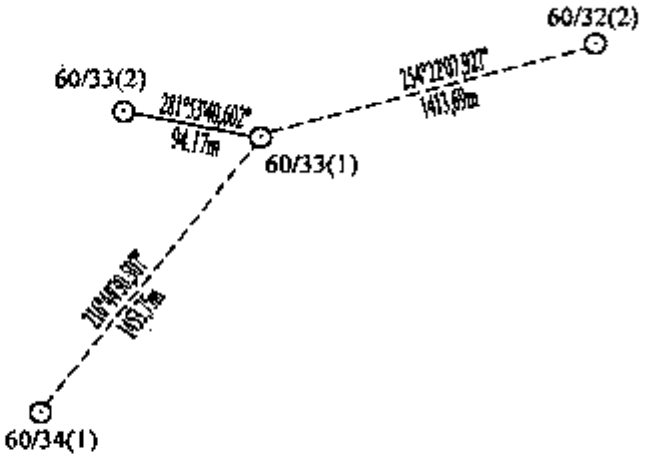

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/33(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/33(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/33(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/33(2) và cột mốc số 60/33(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 69.73m.	1345123,31 724374,84	12 09 36,858 107 03 43,081	159,26 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 158,06
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/32(2) đến cột mốc số 60/33(2) là 256°02'02,021", khoảng cách là 1497,84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/33(1) đến cột mốc số 60/33(2) là 281°53'40,602", khoảng cách là 94,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/33(2) đến cột mốc số 60/34(1) là 213°17'01,700", khoảng cách là 1416,76m.	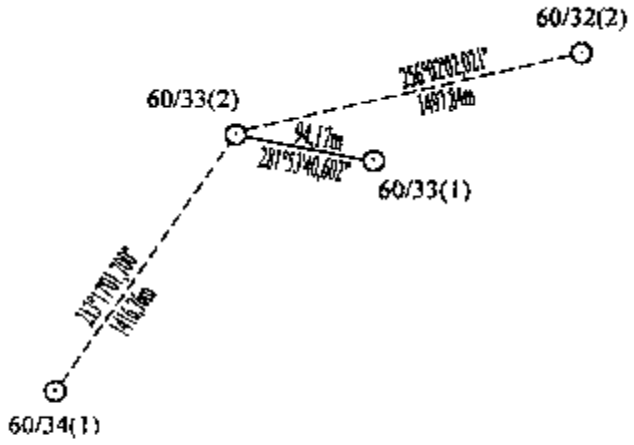		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/34(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 9 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/34(1) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 60/34(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/34(1) và cột mốc số 60/34(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đăk Hút) là 31,66m.	1343938,95 723597,34	12 08 58,516 107 03 17,075	152,30 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			151,10

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/33(2) đến cột mốc số 60/34(1) là 213°1701,700", khoảng cách là 1416,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/34(1) đến cột mốc số 60/34(2) là 95°18'43,340", khoảng cách là 79,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/34(1) đến cột mốc số 60/35(1) là 211°31'20,948", khoảng cách là 1161,61m.	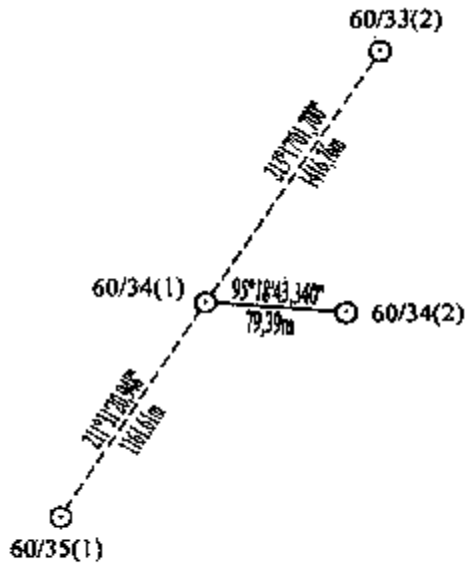

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 60/34(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 60/34(2) cắm trên bờ sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 60/34(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 60/34(2) và cột mốc số 60/34(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Đăk Huýt (Prêch Đắk Hút) là 47,73m.	1343931,60 723676,39	12 08 58,258 107 03 19,687	160,70 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 159,50
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/33(2) đến cột mốc số 60/34(2) là 210°22'26,996", khoảng cách là 1381,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/34(1) đến cột mốc số 60/34(2) là 95°18'43,340", khoảng cách là 79,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 60/34(2) đến cột mốc số 60/35(1) là 214°55'43,627", khoảng cách là 1198,80m.	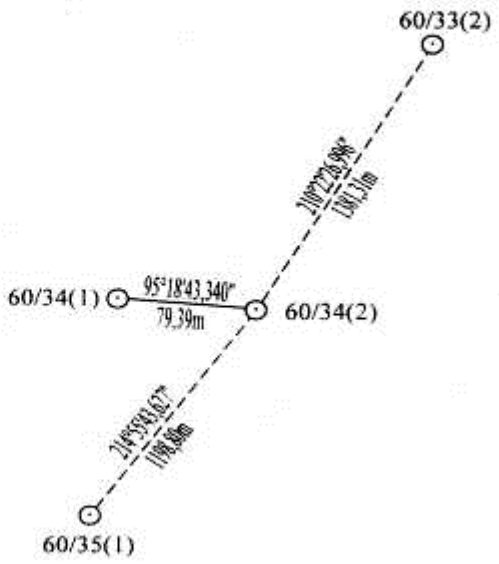		

526

(Xem tiếp Công báo số 169 + 170)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng